

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1004.2 /2022/CBTT-CMT

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2022.

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội.

Công ty niêm yết: Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông.

Mã chứng khoán: CMT

Trụ sở chính: Tòa nhà INFONET, số 33 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận
Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (024) 3773.0793 - Fax: (024) 3773.0809

Website: <http://www.infonet.com.vn> - E.mail: info@infonet.com.vn

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Đức Thuận.

Loại thông tin công bố: Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Tài liệu Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của công ty.

Chúng tôi, xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP HĐQT.

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Đức Thuận

- Tài liệu đính kèm: Tài liệu Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

NĂM 2022

Hà Nội, tháng 04 năm 2022



MỤC LỤC

1. Thông báo về việc mời họp Đại hội đồng Cổ đông năm 2022.
2. Chương trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 (dự kiến).
3. Báo cáo hoạt động trong năm 2021 và phương hướng hoạt động trong năm 2022.
4. Báo cáo hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát trong năm 2021.
5. Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán.
6. Báo cáo chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021.
7. Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021.
8. Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.
9. Tờ trình về việc trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021.
10. Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
11. Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.
12. Tờ trình về việc chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ Công ty.
13. Tờ trình về việc chỉnh sửa, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
14. Tờ trình về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
15. Tờ trình về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
16. Tờ trình về việc cổ đông hiện hữu nhận chuyển nhượng cổ phiếu mà không phải thực hiện chào mua công khai.
17. Dự thảo Quy chế tổ chức Đại hội đồng Cổ đông năm 2022.
18. Dự thảo Quy chế đề cử, ứng cử và bầu thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát.
19. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.
20. Mẫu Giấy Ủy quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.

Số: 2803.1/2022/TB- CMT-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022.

THÔNG BÁO

Về việc mời họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông xin trân trọng thông báo và kính mời Quý Cổ đông đến tham dự phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022. Cụ thể như sau:

1. Thời gian: 09h00 ngày 28 tháng 04 năm 2022.

2. Địa điểm: tại Trụ sở chính của Công ty (Tòa nhà INFONET – Số 33 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội).

3. Nội dung Đại hội:

- Thông qua báo cáo hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022;
- Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022; phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, lựa chọn kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022;
- Thông qua kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022;
- Thông qua sửa đổi Điều lệ, quy chế quản trị công ty, quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Thông qua giao dịch chuyển nhượng của cổ đông lớn;
- Bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS
- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền biểu quyết tại Đại hội cổ đông.

4. Tài liệu làm việc của Đại hội: Quý Cổ đông xin vui lòng truy cập website: www.infonet.com.vn để lấy tài liệu.

5. Điều kiện tham dự Đại hội: Tất cả các Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông theo danh sách Cổ đông chốt tại ngày 18/03/2022 (hoặc những người được ủy quyền tham dự họp).



Khi tham dự Đại hội, Quý Cổ đông (hoặc người được ủy quyền) vui lòng mang theo Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu và Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền) để làm thủ tục đăng ký Đại hội.

6. Xác nhận tham dự Đại hội: Để tạo thuận tiện cho công tác tổ chức, Quý Cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự (hoặc) ủy quyền tham dự Đại hội trước ngày 25 tháng 04 năm 2022.

Người liên hệ: Phan Phương Thảo

Tel: (+84-24) 3773 0793; Fax: (+84-24) 3773 0809; Email: thaopp@infonet.com.vn

Sự hiện diện của Quý Cổ đông sẽ góp phần vào sự thành công của Đại hội.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT, BKS, BĐH
- Ban tổ chức;
- Lưu VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Thanh Hải





CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

(Dự kiến)

Thời gian: 9h00 ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Địa điểm: tại Trụ sở chính của Công ty (Tòa nhà INFONET – Số 33 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội).

STT	Nội dung	Thời gian	Thực hiện
1	Tiếp đón đại biểu, khách mời, cổ đông và làm thủ tục đăng ký.	8h30-9h00	Ban Tổ chức
2	Chào cờ, tuyên bố khai mạc Đại hội và giới thiệu đại biểu, khách mời.	9h20	Ban Tổ chức
3	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.		Đại diện Ban Kiểm soát
4	Thông qua nhân sự Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu.		Chủ tọa
5	Thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức Đại hội; Quy chế bầu cử.		Chủ tọa
6	Báo cáo về hoạt động trong năm 2021 và phương hướng hoạt động trong năm 2022 của Hội đồng quản trị.	9h20-9h35	Hội đồng quản trị
7	Báo cáo về hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát trong năm 2021.	9h35-9h50	Ban Kiểm soát
8	Trình bày các Báo cáo khác và các Tờ trình của Hội đồng quản trị: <ul style="list-style-type: none">- Tờ trình Phương án chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021; Tờ trình về Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021- Tờ trình Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2021- Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán/soát xét báo cáo tài chính năm 2022- Tờ trình về kế hoạch chi trả thù lao năm 2022- Tờ trình Bổ sung, sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động- Tờ trình Bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty;- Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;- Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát;- Tờ trình về việc cổ đông hiện hữu nhận chuyển nhượng cổ phiếu mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.- Tờ trình thông qua đơn từ nhiệm 01 thành viên HĐQTt và bầu bổ sung thành viên cho nhiệm kỳ 2019-2023.- Tờ trình thông qua đơn từ nhiệm 01 thành viên trong Ban Kiểm Soát và bầu bổ sung thành viên cho nhiệm kỳ 2019-2023	9h50-10h20	Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

	- Tờ trình về việc cổ đông hiện hữu nhận chuyển nhượng cổ phiếu mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.		
9	Đại hội thảo luận	10h20-10h35	Đoàn chủ tịch và Đại hội
10	Đại hội biểu quyết thông qua các vấn đề được trình trước Đại hội.	10h35-10h50	Ban Kiểm phiếu
11	Đại hội nghỉ giải lao.	10h50-11h00	
12	Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết các vấn đề được trình trước Đại hội.	11h00-11h10	Ban Kiểm phiếu
13	Thông qua Nghị quyết của Đại hội	11h10-11h30	Ban Thư ký
14	Thông qua Biên bản của Đại hội		Ban Thư ký
15	Bế mạc Đại hội.	11h30	Ban Tổ chức

Số: 1504. A /2022/BC-CMT-HĐQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2022.

BÁO CÁO

Hoạt động trong năm 2021 và phương hướng hoạt động trong năm 2022 của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hiện hành;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hiện hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông;

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị (HĐQT) quy định tại Điều lệ Công ty và quy định tại Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng Truyền thông xin báo cáo tình hình hoạt động quản trị, tình hình hoạt động năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022 như sau:

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021.

1. Hoạt động quản trị.

- Nhân sự của HĐQT năm 2020: Có 05 thành viên. Cụ thể:

- Ông Trần Thanh Hải - Chủ tịch
- Ông Lê Ngọc Tú - Ủy viên
- Ông Lê Trọng Đại - Ủy viên
- Ông Phạm Ngọc Sơn - Ủy viên
- Ông Phạm Duy Hùng - Ủy viên

- Các cuộc họp của HĐQT: Trong kỳ HĐQT họp 12 buổi.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch	12	100%	
2	Ông Lê Ngọc Tú	Ủy viên	12	100%	
3	Ông Phạm Duy Hùng	Ủy viên	12	100%	
4	Ông Phạm Ngọc Sơn	Ủy viên	12	100%	
6	Ông Lê Trọng Đại	Ủy viên	12	100%	

- Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc: Hội đồng Quản trị họp định kỳ hàng tháng với Ban điều hành công ty để nghe báo cáo tình hình kinh doanh và các mặt hoạt động khác của công ty. Đồng thời, cùng với Ban điều hành giải quyết những công việc của công ty và đề ra phương hướng hoạt động của những tháng tiếp theo.

- Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị không có các tiểu ban.
- Các nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Cụ thể:

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số 1003/2021/NQ-HĐQT	10/03/2021	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và thời gian, địa điểm thực hiện;
2	Số 1603.1/2021/NQ-HĐQT	16/03/2021	Thay đổi ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và thời gian, địa điểm thực hiện;
3	Số 0504.1/2021/NQ-HĐQT	05/04/2021	Miễn nhiệm chức vụ Phụ trách Kế toán đối với ông Nguyễn Đức Thuận;
4	Số 0504.2/2021/NQ-HĐQT	05/04/2021	Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với ông Nguyễn Đức Thuận;
5	Số 1604.1/2021/NQ-HĐQT	16/04/2021	Thông qua tài liệu họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
6	Số 0306.1/2021/NQ-HĐQT	03/06/2021	Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với ông Nguyễn Đức Thuận;
7	Số 0306.2/2021/NQ-HĐQT	03/06/2021	Bổ nhiệm bà Cao Thị Nga giữ chức vụ Kế toán trưởng;
8	Số 0810.1/2021/NQ-HĐQT	08/10/2021	Thông qua tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2021;
9	Số 2511.1/2021/NQ-HĐQT	25/11/2021	Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

2. Hoạt động kinh doanh năm 2021.

- Tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là: 636.882.124.635 đồng. Đạt 83,25% kế hoạch và bằng 82,84% năm 2020.

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là: 29.551.356.995 đồng. Đạt 147,76% kế hoạch và bằng 107,06% năm 2020.

- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh:

+ Nguyên nhân chính dẫn đến việc công ty chỉ đạt 83,25% kế hoạch về doanh thu: Dịch bệnh Covid19 gây ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh:

- o Dịch bệnh Covid19 làm đứt gãy chuỗi cung ứng hàng hóa toàn cầu, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ cung cấp hàng hóa của các hãng sản xuất. Nhiều hãng sản xuất chỉ có thể cung cấp hàng hóa sau 06 hoặc thậm chí 09 tháng kể từ ngày có đơn đặt hàng. Điều này dẫn đến việc nhiều hợp đồng bị chậm tiến độ triển khai, không thể hoàn thành trong năm.
- o Thời gian giãn cách kéo dài tại Việt Nam khiến việc triển khai nhiều hợp đồng bị gián đoạn, không kịp tiến độ trong năm như dự kiến

- Nhiều cơ quan, doanh nghiệp có số lượng lớn nhân viên phải làm việc ở nhà khiến cho nhiều công việc bị xử lý chậm trễ, ảnh hưởng làm chậm tiến độ thực hiện các dự án.
 - Các doanh nghiệp ở nhiều mảng kinh doanh bị ảnh hưởng lớn đến hoạt động dẫn đến hạn chế bớt hoặc làm chậm quyết định đầu tư cho các hệ thống CNTT. Điều này cũng góp phần làm việc mở rộng thị trường gặp khó khăn và đạt kết quả rất hạn chế.
 - Khu vực Miền Nam bị ảnh hưởng rất nặng nề bởi dịch bệnh Covid19 dẫn đến doanh số của các mảng thị trường này không đạt kế hoạch đề ra.
- + Nguyên nhân chính của việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 147,76% kế hoạch và tăng 7,06% so với năm 2020:
- Giá mua đầu vào tốt hơn dự kiến ban đầu:
 - Lựa chọn sản phẩm, đối tác phù hợp đảm bảo tính cạnh tranh và tối ưu hơn về giá
 - Phát triển quan hệ đối tác với các nhà cung cấp để được hưởng chính sách giá tốt hơn
 - Tham gia các dự án với các mảng sản phẩm mà các nhà sản xuất, nhà cung cấp có chính sách ưu đãi về giá để phát triển thị trường
 - Nhiều hãng sản xuất có những chính sách ưu đãi tốt hơn về giá để thúc đẩy việc bán hàng trong giai đoạn thị trường gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid19.
 - Nâng cao năng lực kỹ thuật và năng lực quản lý, tối ưu công tác vận hành, giảm chi phí quản lý nói chung và chi phí thực hiện dự án, triển khai hợp đồng nói riêng.
 - Ngoài ra, chi phí bán hàng, lãi vay giảm nhiều với năm 2020. Trong khi đó các khoản chiết khấu từ việc mua hàng/thanh toán lại tăng nhiều so với năm 2020.

II. Phương hướng hoạt động năm 2022.

1. Hoạt động quản trị.

Hội đồng Quản trị tiếp tục duy trì việc họp định kỳ hàng tháng với Ban điều hành để nghe báo cáo tình hình kinh doanh và các mặt hoạt động khác của công ty. Đồng thời, cùng với Ban điều hành giải quyết những công việc của công ty và đề ra phương hướng hoạt động của những tháng tiếp theo.

2. Phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2022.

- Phương hướng hoạt động kinh doanh:

- + Đẩy mạnh việc phát triển kinh doanh trong các thị trường có nhiều tiềm năng, thị trường mới. Khai thác tốt hơn nữa nhưng thế mạnh đã có tại các thị trường cũ.
- + Điều chỉnh, bổ sung nhiều chính sách phù hợp nhằm tạo động lực, thúc đẩy hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực kỹ thuật, năng lực quản lý
- + Đầu tư nhiều hơn vào chất lượng đội ngũ nhân sự nhằm phát triển năng lực kỹ thuật, năng lực quản lý đáp ứng yêu cầu của kinh doanh
- + Tìm kiếm, phát triển quan hệ với các đối tác, hãng cung cấp sản phẩm mới phù hợp với mục tiêu kinh doanh ở nhiều thị trường khác nhau. Nâng cấp quan hệ với các đối tác hiện có để có chính sách hỗ trợ tốt hơn từ các hãng sản xuất, bao gồm cả hỗ trợ về giá và hỗ trợ kỹ thuật, tối ưu giá vốn, tăng tính cạnh tranh.

- + Đẩy mạnh việc theo dõi, giám sát việc triển khai kế hoạch kinh doanh, đảm bảo xử lý kịp thời các vướng mắc
- + Kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, cắt giảm các chi phí không hợp lý, đặc biệt các hạng mục không phục vụ trực tiếp kinh doanh.
- + Điều chỉnh mục tiêu, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch phát triển cho thị trường khu vực phía Nam, đáp ứng yêu cầu thị trường trong tình hình mới.

- Kế hoạch hoạt động kinh doanh.

- + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là: 800.000.000.000 đồng.
- + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là: 25.000.000.000 đồng.

Trên đây, là toàn bộ Báo cáo về hoạt động trong năm 2021 và phương hướng hoạt động kinh doanh trong năm 2022 của Hội đồng Quản trị trình bày tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022. Để hoàn thành những mục tiêu trên, Hội đồng Quản trị rất mong nhận được sự ủng hộ của các Quý Cổ đông, các đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT, TV BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Hải





Số: 1/2022/BC-CMT-BKS

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2022.

BÁO CÁO

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát trong năm 2021 tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hiện hành;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hiện hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông;

Căn cứ vào Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

1. Sơ lược tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021.

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát tiến hành các hoạt động sau:

- Tham gia các cuộc họp Hội đồng Quản trị.
- Xem xét Báo cáo tài chính của Công ty.
- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho các Cổ đông.
- Giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định của Công ty đã ban hành.
- Xem xét việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021.

2. Kết quả giám sát.

2.1 Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị có 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên trực tiếp tham gia điều hành và 02 thành viên độc lập.

Hội đồng Quản trị Công ty đã chỉ đạo kịp thời và theo sát mục tiêu chiến lược mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra. Công tác quản lý và điều hành kinh doanh về cơ bản đều dựa vào Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị đã tổ chức họp thường kỳ để xây dựng chương trình hoạt động công tác, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và kiểm tra việc thực hiện kết quả kinh doanh của Công ty.

Hội đồng Quản trị đã ban hành các quy chế, quy định và quyết định về công tác quản lý nội bộ đúng quy định và điều lệ công ty; sửa đổi, bổ sung kịp thời một số văn bản quản lý cho phù hợp với pháp luật hiện hành.

2.2 Kết quả giám sát đối với Ban Tổng giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc có 03 thành viên, đứng đầu là Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các thành viên của Ban Tổng giám đốc và những người quản lý khác đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng qui



định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2021, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Công ty và các Cổ đông.

2.3 Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

Đến hết năm 2021, Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của công ty. Các quy trình hoạt động tuân thủ theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ. Hệ thống kiểm soát tài chính nội bộ và chế độ giao ban vận hành tốt, phát hiện kịp thời các vấn đề, đề xuất các kiến nghị và giải pháp phù hợp. Ban Kiểm soát đồng ý cơ bản với các đánh giá về hoạt động và tài chính trong các báo cáo của Công ty và tổ chức kiểm toán.

3. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021.

Toàn bộ số liệu tài chính do Ban Tổng Giám đốc công bố đều được trích dẫn từ báo cáo tài chính hợp nhất của công ty tại thời điểm 31/12/2021, số liệu trên hoàn toàn phản ánh trung thực kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm qua và được hạch toán tuân thủ đầy đủ theo các quy định về hạch toán kế toán hiện hành.

4. Báo cáo tài chính năm 2021.

Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội. Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội là một trong những công ty có uy tín trong lĩnh vực Kiểm toán và nằm trong danh sách các công ty Kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết.

5. Kết luận

Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát chúng tôi đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Và cam kết, sẽ hoạt động trên nguyên tắc khách quan căn cứ trên cơ sở các quy định, quy chế để đảm bảo công bằng cho tất cả các cổ đông công ty.

Trân trọng!

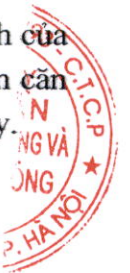
Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT, TV BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Thị Kiều Dung



Số: 15042/2022/BC-CMT-HĐQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2022.

BÁO CÁO

Tình hình tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hiện hành;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hiện hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông xin trích dẫn một số chỉ tiêu cơ bản trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 và đọc ý kiến của đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội về báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng tài sản	629.063.542.560 đồng
	Tài sản ngắn hạn	582.805.891.228 đồng
	Tài sản dài hạn	46.257.651.332 đồng
2	Nợ phải trả	415.043.214.313 đồng
	Nợ ngắn hạn	402.115.542.709 đồng
	Nợ dài hạn	12.927.671.604 đồng
3	Nguồn vốn chủ sở hữu	214.020.328.247 đồng
4	Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	636.882.124.635 đồng
5	Lợi nhuận sau thuế	29.551.356.995 đồng

Ý kiến của kiểm toán: Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Toàn văn nội dung báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán được đăng tải trên website: <http://www.infonet.com.vn>

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT, TV BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ
TRUYỀN THÔNG
Đ. ĐÔNG ĐÀ, TP. HÀ NỘI

Trần Thanh Hải

Số: *KS04.3* /2022/BC-CMT-HĐQT

Hà Nội, ngày *15* tháng 04 năm 2022.

BÁO CÁO

Chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021 tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hiện hành;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hiện hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông xin báo cáo tình hình chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2021 như sau:

Trong năm 2021, tổng số thù lao chi trả cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của công ty là: 348.000.000 đồng. Trong đó:

- Tổng thù lao cho HĐQT là: 288.000.000 đồng
- Tổng thù lao cho BKS là: 60.000.000 đồng

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT, TV BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Hải

Số: 1504.1/2022/TTr-CMT-HĐQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2022.

TỜ TRÌNH

Về việc phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hiện hành;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hiện hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông; Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022 của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông, kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 (dự kiến) như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
I	Lợi nhuận sau thuế	29.551.356.995 đồng
II	Phân phối lợi nhuận (dự kiến)	29.551.356.995 đồng
1	Trích các quỹ (tương đương 100%). Cụ thể:	29.551.356.995 đồng
	Trích quỹ Dự phòng bổ sung vốn điều lệ (20%)	5.910.271.399 đồng
	Trích quỹ Đầu tư phát triển (55%)	16.253.246.347 đồng
	Trích quỹ Dự phòng tài chính (20%)	5.910.271.399 đồng
	Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi (5%)	1.477.567.850 đồng
2	Chi trả cổ tức (tương đương 0%)	-
III	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm sau (dự kiến)	

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT, TV BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ
TRUYỀN THÔNG
Q. ĐÔNG ĐA, TP. HÀ NỘI

Trần Thanh Hải

Số: *1504.2* /2022/TTr-CMT-HĐQT

Hà Nội, ngày *15* tháng 04 năm 2022.

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hiện hành;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hiện hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông, kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt các công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty như sau:

1. Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.
2. Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.
3. Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.
4. Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Đồng thời, kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc ủy quyền cho hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán cụ thể theo danh sách trên. Trường hợp danh sách các công ty kiểm toán được phép kiểm toán báo cáo tài chính của các công ty niêm yết do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố không có các công ty trên thì ủy quyền cho HĐQT được phép lựa chọn Công ty Kiểm toán khác phù hợp.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT, TV BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP HĐQT.



Số: K04. 3 /2022/TTr-CMT-HĐQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2022.

TỜ TRÌNH

Về việc trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hiện hành;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hiện hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông;
Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022 của Công ty.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông, kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua đề xuất về mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) của Công ty trong năm 2022 như sau:

- | | |
|--|----------------------------|
| - Thù lao cho Chủ tịch HĐQT: | 10.000.000 đồng/tháng |
| - Thù lao cho Thành viên HĐQT thường trực: | 5.000.000 đồng/người/tháng |
| - Thù lao cho Thành viên HĐQT kiêm nhiệm: | 2.000.000 đồng/người/tháng |
| - Thù lao cho Trưởng Ban Kiểm soát: | 3.000.000 đồng/tháng |
| - Thù lao cho Thành viên Ban Kiểm soát: | 1.000.000 đồng/người/tháng |

Thù lao trả cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được trả vào cuối mỗi Quý.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT, TV BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP HĐQT.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1504.4 /2022/TTr-CMT-HĐQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2022.

TỜ TRÌNH

(V/v Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2022 - 2023)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hiện hành;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hiện hành;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông hiện hành;

Căn cứ đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của ông Lê Trọng Đại

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2022 - 2023 với các thông tin chính sau:

1. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị giữa nhiệm kỳ:

Ngày 28/03/2022, Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông nhận được đơn xin từ nhiệm của Ông Lê Trọng Đại - Thành viên Hội đồng Quản trị với lý do cá nhân, không thể tiếp tục đảm nhận và hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị. Để đảm bảo việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị đúng với quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 chấp thuận việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng Quản trị đối với ông Lê Trọng Đại.

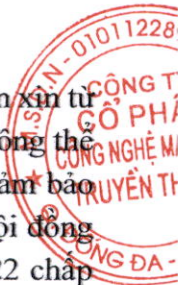
2. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2022 - 2023:

Để đảm bảo điều kiện về số lượng thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật, Hội đồng Quản trị kính trình ĐHĐCĐ xem xét và tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị của công ty:

(i) Số lượng thành viên cần bầu bổ sung: 01 thành viên

(ii) Yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện đối với Hội đồng Quản trị được bầu bổ sung: Ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện để trở thành thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty

(iii) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bầu bổ sung: 2022 - 2023



Thông tin ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị được bầu bổ sung, Dự thảo quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị được đính kèm tại Tờ trình này và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị của công ty theo quy định.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải


C.T.C.P
VÀ
G
HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1504.5 /2022/Ttr-CMT-HĐQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2022.

TỜ TRÌNH

(V/v Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2022 - 2023)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hiện hành;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hiện hành;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông hiện hành;

Căn cứ đơn từ nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát của Bà Phạm Thương Huyền.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2022-2023 với các thông tin chính sau:

1. Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát giữa nhiệm kỳ:

Ngày 28/03/2022, Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông nhận được đơn xin từ nhiệm của Bà **Phạm Thương Huyền** - Thành viên Ban kiểm soát với lý do bận công việc cá nhân. Để đảm bảo việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đúng với quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 chấp thuận việc miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát đối với Bà Phạm Thương Huyền.

2. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2023:

Để đảm bảo điều kiện về số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ xem xét và tiến hành bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát của công ty:

- (i) Số lượng thành viên cần bầu bổ sung: 01 thành viên
- (ii) Yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện đối với Ban kiểm soát được bầu bổ sung: Ứng cử viên Ban kiểm soát phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện để trở thành thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 1, Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty
- (iii) Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm Soát được bầu bổ sung: 2022 - 2023



Thông tin ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát được bầu bổ sung, Dự thảo quy chế bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát được đính kèm tại Tờ trình này và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông.

Kính trình ĐHCĐ xem xét và thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát và tiến hành bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát của công ty theo quy định.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

3 - C.T.C.P
N
NG VÀ
ÔNG
TP. HÀ NỘI

TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ Công ty)

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Công Nghệ Mạng và Truyền Thông

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản dưới luật hướng dẫn;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản dưới luật hướng dẫn;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công Nghệ Mạng và Truyền Thông.

Theo yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Nội dung chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ đính kèm tờ trình này.

Kính trình Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phối hợp tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của Pháp luật nhằm thực hiện việc ban hành Điều lệ được sửa đổi bổ sung.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 chấp thuận thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT, TV BKS
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ
TRUYỀN THÔNG
HÀ NỘI
Trần Thanh Hải



NỘI DUNG CHI TIẾT SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

(Kèm theo Tờ trình số 1504.6 /2022/Ttr-CMT-HĐQT ngày 15 tháng 04 năm 2022 của HĐQT Công ty)

TT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
I. MỘT SỐ NỘI DUNG CHỈNH SỬA, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY				
1.	Điều 1.1	<p>a. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;</p> <p>d. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc điều hành, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;</p> <p>e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>f. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời</p>	<p>a. <u>Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã được bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần</u> và theo quy định tại điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b. <u>Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội đồng cổ đông;</u></p> <p>c. <u>Luật Doanh nghiệp</u> là Luật Doanh nghiệp số <u>59/2020/QH14</u> được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;</p> <p>d. <u>Luật Chứng khoán</u> là Luật Chứng khoán số <u>54/2019/QH14</u> được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;</p> <p>e. <u>Việt Nam</u> là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;</p> <p>f. <u>Ngày thành lập</u> là ngày Công ty được cấp Giấy Chứng Nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung, thay đổi tên gọi thống nhất với Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ mẫu kèm theo thông tư số 116/2020/TT-BTC, Luật Chứng khoán 2019 và Luật Doanh nghiệp năm 2020</p>

		<p>gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;</p> <p>g. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p>	<p>nhận đăng kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;</p> <p>g. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, trừ chức danh Người phụ trách quản trị Công ty;</p> <p>Bổ sung:</p> <p>h. Người quản lý Doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại Hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;</p> <p>i. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>j. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất 1 cổ phần của Công ty;</p> <p>k. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất 1 cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của công ty cổ phần;</p> <p>l. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>m. Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua;</p> <p>n. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</p>	
--	--	--	---	--

			o. Cán bộ quản lý là các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm	
2.	Điều 2.4	Tổng Giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc; 2. Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam, và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. 4. Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có giấy ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trong thời gian phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật 	Làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020

			<p>của công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác thay thế.</p> <p>5. Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì HĐQT sẽ cử người khác thay thế.</p> <p>6. Trách nhiệm của người đại diện theo Pháp luật: Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>7. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 điều này.</p>	
3.	Điều 5		<p>Bổ sung</p> <p>5. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101122893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/07/2003</p>	Bổ sung thông tin
4.	Điều 6	<p>2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu</p>	<p>2. Cổ phần là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy</p>	Sửa đổi phù hợp Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư

		phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp	đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh Nghiệp	116/2020/TT-BTC
5.	Điều 9	Điều 9: Thu hồi cổ phần		Phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC
6.	Điều 10	Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty gồm: 1. Đại Hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. <u>Tổng giám đốc điều hành.</u>	Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty gồm: 1. Đại Hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. <u>Tổng giám đốc.</u>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC
7.	Điều 11	a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;	a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. <u>Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</u> <u>Bổ sung:</u> i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và	Làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

			<p>lợi ích ngành nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phiếu ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật</p> <p>k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình, đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p>	
8.	Điều 11.3	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>10%</u> tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>05%</u> tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

		<p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số sanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</p>	
9.	Điều 11.4		<p><u>Bổ sung:</u> Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:</p> <p>a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp để biết trước khi khai mạc Đại Hội đồng cổ đông;</p>	Phù hợp theo quy định tại Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.

			<p>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị đề cử.</p>	
10.	Điều 12	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. 2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác: thư, fax, thư điện tử. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. 3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định. 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua; 2. <u>Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty được mọi hình thức, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</u> 3. Tuân thủ Điều lệ công ty và quy chế quản lý nội bộ của công ty; 4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; 	Sắp xếp lại và bổ sung theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

	<p>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Vi phạm pháp luật; Tiến Hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty. <p>7. Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</p>	<p>5. <u>Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật, chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;</u></p> <p>6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp; Ủy quyền cho các nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp; Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; <p>7. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;</p> <p>8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Vi phạm pháp luật; Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi và phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; 	
--	--	--	--

			<p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p> <p>9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;.</p>	
11.	Điều 13.1	Đại Hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Đại Hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</u>	Làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020
12.	Điều 13.2	Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm <u>và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm</u>	Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặt biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. <u>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời người đại diện tổ chức</u>	Bổ sung và làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020

			<p><u>kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</u></p>	
13.	Điều 13.3 Khoản b	<p>Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo 06 tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh</p>	<p>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 115 Luật Doanh nghiệp, yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan</p> <p>d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p>	<p>Phù hợp Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

		<p>ngiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;.</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>		
14.	Điều 14.1	<p>Đại hội đồng Cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty; Báo cáo tài chính hằng năm; Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm toán về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm toán viên; Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền. 	<p><u>Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> <u>Thông qua định hướng phát triển của Công ty</u> <u>Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hàng năm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;</u> <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</u> <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</u> <u>Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty</u> <u>Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</u> <u>Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại</u> <u>Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông công ty;</u> <u>Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</u> 	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020

			<ul style="list-style-type: none"> j. <u>Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị</u> k. <u>Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị;</u> l. <u>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận, quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</u> m. <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật</u> 	
15.	Điều 14.2	<p>Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thông qua các báo cáo tài chính năm; b. Mức cổ tức thanh toán hằng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; d. <u>Lựa chọn công ty kiểm toán;</u> e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; 	<p>Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty; b. Báo cáo tài chính hằng năm; c. <u>Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</u> d. <u>Báo cáo của Ban kiểm toán về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</u> e. <u>Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm toán viên;</u> f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; 	Bổ sung phù hợp với Điều 139 Luật Doanh nghiệp và sắp xếp lại trật tự các mục

	<p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập.</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi công ty.</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành</p> <p>n. <u>Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:</u></p> <p>- <u>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên,</u></p>	<p>g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát;</u></p> <p>j. <u>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</u></p> <p>k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p>	
--	---	--	--

		<p><u>Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10 tổng số vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</u> - <u>Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp, Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty</u> 	<p>p. <u>Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán ra mỗi loại;</u></p> <p>q. <u>Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;</u></p> <p>r. <u>Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</u></p> <p>s. <u>Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;</u></p>	
16.	<p>Điều 15.1</p> <p>Điều 15.2</p> <p>Điều 15.3</p>	<p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.</p>	<p>1. <u>Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 điều 144 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 1 điều này phải lập thành văn bản. <u>Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy</u></p>	<p>Bổ sung phù hợp với điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

		<p>b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ý của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)</p>	<p><u>quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</u></p> <p><u>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</u></p>	
17.	Điều 16.1	Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.	Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. <u>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi</u>	Làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020

			<p><u>chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p>	
18.	Điều 17.2. Khoản a	<p>Người triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của công ty. <u>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p>	<p>Người triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</u></p>	<p>Làm rõ hơn theo Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
19.	Điều 17.3	<p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. <u>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ</u></p>	<p>Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của công ty niêm yết. <u>Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời</u></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 143 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

		<p>ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận</p>	<p><u>họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp</u> (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu có liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại Hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. <u>Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</u> b. <u>Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;</u> c. <u>Phiếu biểu quyết/bầu cử;</u> d. <u>Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</u> 	
20.	Điều 17.5	<p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông</p>	<p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p>	<p>Phù hợp điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

		không có đủ ít nhất <u>10% cổ phần phổ thông</u> trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;	b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ <u>5% cổ phần phổ thông</u> trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;	
21.	Điều 17.6 Điều 17.7	6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp. 7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.	<u>6. Người triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 điều này, kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</u>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
22.	Điều 18.1	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số lượng cổ đông dự họp đại diện trên <u>51% tổng số phiếu biểu quyết</u>	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số lượng cổ đông dự họp đại diện trên <u>50% tổng số phiếu biểu quyết</u>	Phù hợp điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020.
23.	Điều 19	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa,	2. Việc bầu cử chủ tọa, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/ Đại biểu và ban kiểm phiếu được quy định như sau: a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng	Bổ sung, sửa đổi và sắp xếp lại trình tự các mục phù hợp điều 146 Luật Doanh nghiệp

	<p>thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp:</p> <p>5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.</p> <p>7. Chủ tọa đại hội hoặc thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phân ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p> <p>8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại Hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng</p>	<p>quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/ Đại biểu phục vụ cuộc họp;</p> <p>d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> <p>5. <u>Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại Hội đồng Công ty thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</u></p>	<p>2020 và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
--	--	---	---

	<p>quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.</p> <p>9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự hoặc tiếp tục tham dự) đại hội; <p>Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trong, Hội đồng quản trị khi các định địa điểm đại hội có thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội); Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được 	<p>6. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <ol style="list-style-type: none"> Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp; Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội cổ đông cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. <p><u>7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> <u>Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</u> <u>Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc</u> 	
--	--	---	--

	<p>ủy quyền không dự họp theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>e. Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh khác yêu cầu), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội</p> <p>Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất 01 lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p>	<p><u>không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp <u>tối đa không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau:</u></p> <p>a. <u>Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp</u></p> <p>b. <u>Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</u></p> <p>c. <u>Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</u></p> <p>9. <u>Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc, tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</u></p> <p>10. <u>Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông</u></p>	
--	--	--	--

			<p><u>tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán</u></p>	
24.	Điều 20.1		<p>Bổ sung:</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	Bổ sung theo Luật Doanh nghiệp 2020
25.	Điều 20.2	Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên <u>51%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều này.	Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên <u>50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp	Phù hợp điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020
26.	Điều 20.4	Trường hợp cổ đông dự họp là người có liên quan không có quyền biểu quyết về một vấn đề thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có ít nhất <u>51</u> hoặc <u>65%</u> tổng số phiếu được quyền biểu quyết tương ứng theo quy định của pháp luật.	Trường hợp cổ đông dự họp là người có liên quan không có quyền biểu quyết về một vấn đề thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có ít nhất <u>50</u> hoặc <u>65%</u> tổng số phiếu được quyền biểu quyết tương ứng theo quy định của pháp luật.	Phù hợp điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020

27.	Điều 20.5	<p>Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất <u>51% tổng số phiếu</u> hợp lệ biểu quyết chấp thuận.</p>	<p>Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất <u>50% tổng số phiếu</u> hợp lệ biểu quyết chấp thuận.</p> <p><u>Bổ sung:</u></p> <p>6. Các Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p> <p>8. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần</p>	<p>Phù hợp điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
-----	-----------	--	---	--

			<p>uru đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p>	
28.	Điều 21.1	<p>Hội đồng Quản trị có thể xin ý kiến cổ đông bằng văn bản bất cứ lúc nào nếu cần thiết cần thiết <u>kể cả các nội dung được quy định tại khoản 2 điều 143 Luật Doanh nghiệp 2014</u></p>	<p>Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty bất kể khi nào <u>kể cả trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp 2020</u></p>	<p>Phù hợp điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
29.	Điều 21.2	<p>Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất <u>15 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến</u></p>	<p>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết <u>chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến</u>, Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 21 Điều lệ này.</p>	
30.	Điều 21.3	<p>Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp. b. Mục đích lấy ý kiến</p>	<p>Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>Phù hợp điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ</p>

		<p>c. Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân</u>; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện</u> theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;</p>	<p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty</u>;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân</u>; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông</u>;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
31.	Điều 21.8	<p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được cổ đông sở hữu trên <u>51%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông</p>	<p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được cổ đông sở hữu trên <u>50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có</p>	<p>Phù hợp điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo</p>

		qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Thông tư 116/2020/TT-BTC
32.	Điều 22	<p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn 24 giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng Tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa Đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, số chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; Chương trình họp và nội dung cuộc họp; Họ, tên chủ tọa và thư ký; Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp; Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; Tổng số phiếu <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

			<p>3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
33.			<p><u>Bổ sung</u></p> <p>Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được</p>	<p>Bổ sung, làm rõ theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020- TT- BTC</p>

			<p>công bố và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;b. Trình độ chuyên môn;c. Quá trình công tác;d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan đến Công ty; <p>Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan đến công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số</p>	
--	--	--	--	--

			<p>quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên;- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa 05 ứng viên. <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội</p>	
--	--	--	---	--

			<p>đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.</p>	
34.	Điều 24.1	<p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị (xác định theo phương thức làm tròn xuống)</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị của 01 công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của quá 05 công ty khác</p>	<p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty trong không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp theo Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020- TT-BTC</p>
35.	Điều 24.2	<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công ty</p>	<p>Sửa đổi phù hợp theo Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020-TT-BTC</p>

		<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên, từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 02 ứng viên, từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên, từ 40% đến dưới 50% có quyền đề cử tối đa (04) ứng viên, từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên, từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 ứng viên, từ 70% đến 80% được đề cử tối đa 07 ứng viên, và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 ứng viên.</p>	<p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.</p>	
36.	Điều 24.4	<p>Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty; Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; 	<p>Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - <u>Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp</u> - Có đơn từ chức và <u>được chấp thuận</u>; Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: 	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

		<p>d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, <u>trừ trường hợp bất khả kháng</u>; <p><u>Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản a và khoản b Điều này.</u></p>	
37.	Điều 25.3	<p>Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;</p> <p>d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện</p>	<p>Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</p> <p>b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung và sắp xếp lại các mục phù hợp Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020-TT-BTC</p>

		<p>của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó</p> <p>f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền</p> <p>i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p>j. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;</p> <p>k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng, tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p> <p>m. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.</p>	<p>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;</p> <p>e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp</p>	
--	--	---	---	--

			<p>đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;</p> <p>k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm</p>	
--	--	--	---	--

			<p>toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;</p> <p>p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;</p>	
38.	<p>Điều 25.4</p> <p>Điều 25.6</p> <p>Điều 25.7</p> <p>Điều 25.8</p> <p>Điều 25.9</p> <p>Điều 25.10</p>	<p>25.4 Những Vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn</p> <p>25.6 Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p> <p>25.7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho</p>	<p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán</p>	<p>Phù hợp với Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020-TT-BTC</p>

		<p>công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</p> <p>25.8 Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>25.9 Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiêu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>		
--	--	---	--	--

		<p>25.10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p>		
39.			<p><u>Bổ sung:</u></p> <p>Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. 	<p>Bổ sung và sửa đổi theo Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020-TT-BTC</p>

			<ol style="list-style-type: none">3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại Hội	
--	--	--	---	--

			<p>đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiêu ban của Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
40.	Điều 26	<p>1, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra 01 Chủ tịch.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>1, Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cho cuộc họp, triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; 	<p>Phù hợp điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020-TT-BTC</p>

		<p>4, Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.</p>	<p>e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3, Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p> <p>4, Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị</p>	
--	--	---	---	--

41.	Điều 27	<p>7. Thông báo mời họp được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị <u>ít nhất 05 ngày trước khi tổ chức họp</u>, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p> <p>Điều 27.13</p> <p>Điều 27.14</p> <p>Điều 27.15</p> <p>Điều 27.16</p>	<p>8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là <u>03 ngày làm việc trước ngày họp</u>. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng <u>giấy mời</u>, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p> <p><u>Bổ sung:</u></p> <p>11. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 157 Luật Doanh nghiệp và sắp xếp trình tự theo Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
-----	---------	--	---	---

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

12. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

17. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm

			<p>quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 3 Điều 26 Điều lệ này.</p> <p>Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được thông qua tại các cuộc họp.</p> <p>19. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</p>	
42.			<p><u>Bổ sung:</u></p> <p>Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu 03 người bao gồm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có tối đa số thành</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tự vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại Hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và Cổ đông;

			<ul style="list-style-type: none"> b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị; c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d. Tham dự các cuộc họp; e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật; f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị; g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty; h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan; i. Bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty; 	
43.	Điều 29	<p>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có</p>	<ul style="list-style-type: none"> 1. <u>Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.</u> 2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. <u>Người</u> 	Sửa đổi phù hợp với Điều 163 Luật Doanh nghiệp

		<p>sự miễn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.</p>	<p><u>điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</u></p> <p>3. <u>Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</u></p> <p>4. <u>Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</u></p>	
44.	Điều 30	<p>3. Tổng Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh</p>	<p>4. Tổng Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;</p> <p>d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;</p>	Sửa đổi theo Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020 và sắp xếp lại trình tự các mục theo Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

		<p>doanh trường nhất của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>e. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</p> <p>d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 năm;</p> <p>f.</p>	<p>e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các cán bộ quản lý bao gồm: các Giám đốc kinh doanh, các Giám đốc bộ các bộ phận nghiệp vụ, các trưởng phó phòng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm;</p> <p>f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;</p> <p>g. Tuyển dụng lao động;</p> <p>h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>Bổ sung:</p> <p>5. Cán bộ quản lý Công ty</p> <p>Tổng Giám đốc quyết định số lượng và loại Cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty tùy từng thời điểm. Việc bổ nhiệm các chức danh Cán bộ quản lý và các giao dịch mua bán cổ phiếu liên quan đến Cán bộ quản lý công ty không thuộc đối tượng phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành. Cán bộ quản lý phải có sự miễn cán cần</p>	
--	--	--	---	--

			<p>thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>Mức lương và các lợi ích khác của Cán bộ quản lý do Tổng giám đốc quyết định.</p>	
45.	Điều 31	Điều 31: Người phụ trách quản lý Công ty		Sắp xếp lại trình tự theo Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
46.			<p>Bổ sung</p> <p>Điều 35. Thư ký Công ty</p> <p>Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm 01 hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, ghi chép các biên bản họp;</p>	Sửa đổi theo điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020-TT-BTC

			<p>b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</p> <p>d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông, việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</p> <p>e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.</p>	
47.			<p><u>Bổ sung:</u> Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)</p> <ol style="list-style-type: none"> Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo 	<p>Phù hợp điều 168 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020-TT-BTC</p>

			<p>quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật</p>	
48.	Điều 32	<p>Điều 32. Thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó. Các thành viên Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Các kiểm soát viên bầu 01 người trong số họ làm Trưởng</p>	<p>Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) <u>Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</u></p> <p>b) <u>Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</u></p> <p>3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p>	<p>Sửa đổi, thay thế và bổ sung theo Điều 168, 174 Luật Doanh nghiệp và sắp xếp lại theo Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	<p>ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông. <p>2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên, từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên, từ 30% trở lên được ứng cử tối đa 03 ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên ban kiểm soát phải được</p>	<ol style="list-style-type: none"> <u>Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;</u> <u>Có đơn từ chức và được chấp thuận;</u> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <u>Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</u> <u>Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u> <u>Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</u> <u>Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</u> <p>Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. <u>Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh</u></p>	
--	---	---	--

	<p>công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm, thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát; b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính và được chấp thuận; c. <u>Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;</u> d. Thành viên đó vắng mặt không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng 06 tháng không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi không hoàn thành nhiệm vụ được phân công. 	<p><u>doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</u></p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <ul style="list-style-type: none"> d. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; e. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; f. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông. 	
--	--	---	--

49.	Điều 33	<p>1. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát</p> <p>a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;</p> <p>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu (06) tháng và quý;</p> <p>e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</p>	<p>Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp theo Điều 170, 171, 172 Luật Doanh nghiệp 2020 và sắp xếp lại các đề mục theo Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
-----	---------	---	---	---

	<p>g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phân hồi của ban quản lý;</p> <p>i. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>j. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông;</p> <p>k. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	<p>6. <u>Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u></p> <p>7. <u>Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</u></p> <p>8. <u>Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</u></p> <p>9. <u>Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</u></p> <p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p><u>Bổ sung</u></p> <p><u>Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát</u></p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên</p>	
--	--	---	--

	<p>1. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Thư ký Công ty phải đảm bảo rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 lần một năm và số lượng thành viên Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp tối thiểu là 02 người.</p> <p>4. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia</p>	<p>bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ</p> <p>Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập</p>	
--	--	--	--

		các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát	thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.	
50.	Điều 35	<p>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân, đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng</p>	<p>Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản có liên quan.</p> <p>2. <u>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích Công ty.</u></p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên</p>	<p>Căn cứ Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

- ~~3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.~~
- ~~4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ~~

do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

- ~~4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.~~
- ~~5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.~~

		<p>quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích cốt lõi của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	
--	--	--	--

		<p>e. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>		
51.	Điều 36	<p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của</p>	<p>2. Công ty bồi thường cho người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện tụng, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

		<p>Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>	<p>thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình</p>	
52.	Điều 37	<p>Điều 37: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp</p>	<p>Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. <u>Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</u></p> <p>a. <u>Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi không chính xác của mình; xem xét, tra</u></p>	<p>Sửa đổi và bổ sung theo Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	<p>hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh</p>	<p><u>cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>b. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và các tài liệu khác, từ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</u></p> <p>2. <u>Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng giấy ủy quyền này</u></p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>4. Công ty phải lưu trữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký</p>	
--	--	--	--

		<p>doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p> <p>4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.</p>	<p>doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo Ủy ban kiểm toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.</p> <p>5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử Công ty</p>	
53.	Điều 38		<p>Bổ sung</p> <p>3. Các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và từng nhân viên của Công ty phải ký hợp đồng lao động riêng biệt với Tổng giám đốc. Tổng giám đốc sẽ ký hợp đồng lao động và hợp đồng trách nhiệm với Hội đồng quản trị, được đại diện bởi Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Tất cả các vấn đề liên quan đến nhân viên của Công ty, kể cả các hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, thời gian làm việc và ngày nghỉ, lương, bảo hiểm xã hội, tuyển dụng, đào tạo, thanh tra lao động, giải</p>	<p>Bổ sung theo Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

			<p>quyết tranh chấp lao động và những vấn đề có liên quan khác sẽ do Tổng giám đốc quyết định theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Nhân viên của công ty có quyền thành lập công đoàn và tham gia vào các tổ chức chính trị - xã hội khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Công đoàn và các tổ chức chính trị-xã hội được thành lập trong Công ty phải hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.</p>	
54.	Điều 43	<p>4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu (06) tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>		Sửa đổi theo Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
55.	Điều 45	<p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>		Sửa đổi theo Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

56.	Điều 46	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật. 2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có). 3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành 	Phù hợp theo quy định tại Điều 43 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
57.	Điều 47.1	<p>Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật 	<p>Nếu Công ty bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài, Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Theo quyết định của của Đại hội đồng cổ đông; b. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu là 03 cổ đông trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Người quản lý có liên quan và Công ty trong trường hợp này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp. 	

Số: 154.7/2022/TTr-CMT-HĐQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua chỉnh sửa, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty)

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Công Nghệ Mạng và Truyền Thông

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản dưới luật hướng dẫn;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản dưới luật hướng dẫn;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công Nghệ Mạng và Truyền Thông.

Theo yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Công Nghệ Mạng và Truyền Thông, cụ thể tại tài liệu đính kèm tờ trình này.

Kính trình Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phối hợp tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của Pháp luật nhằm thực hiện việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty như trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 chấp thuận thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT, TV BKS
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Thanh Hải



NỘI DUNG CHI TIẾT CHỈNH SỬA, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

Kèm theo Tờ trình số 154.7/2022/Ttr-CMT-HĐQT ngày 15 tháng 04 năm 2022 của HĐQT Công ty)

II. NỘI DUNG CHỈNH SỬA, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

1	Điều 1	Quy định này được xây dựng theo Quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, tuân thủ nguyên tắc và hướng dẫn của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và Thông tư số 95/2017/TT-BTC về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông	<ol style="list-style-type: none">1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.	Sửa đổi theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
2	Điều 2	<ol style="list-style-type: none">1. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 35 Điều 6 Luật Chứng khoán.2. Thành viên độc lập HĐQT là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp	<ol style="list-style-type: none">1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:<ol style="list-style-type: none">a. “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của Cổ đông và những người có liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:	Sửa đổi, bổ sung và sắp xếp trình tự các mục theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

	<p>3. Công ty: là Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông</p> <p>4. HĐQT: là HĐQT</p> <p>5. Ứng cử: là tự đề cử</p> <p>6. BKS: Là Ban Kiểm Soát</p> <p>7. VSD: là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam</p> <p>8. Đại biểu: là cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)</p> <p>9. Người phụ trách quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo một cơ cấu quản trị hợp lý; - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; - Công khai, minh bạch trong hoạt động của Công ty. <p>b. “Công ty” là Công ty cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông</p> <p>c. “Điều lệ” là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>d. “Cổ đông” là tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty, được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty.</p> <p>e. “Đại hội đồng cổ đông” là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.</p> <p>f. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.</p> <p>g. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán</p>	
--	---	---	--

			<p>trường và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</p> <p>h. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán hiện hành.</p> <p>i. “Người điều hành” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</p> <p>j. Cán bộ quản lý là các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm.</p> <p>2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.</p>	
3			<p>Bổ sung:</p> <p>“Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.”</p> <p>1, Đại Hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại</p>	<p>Bổ sung theo Luật Doanh nghiệp 2020, Quy chế mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2, Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hàng năm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông công ty;

			<ul style="list-style-type: none">i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soátk. Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát;l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận, quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; <p>3, Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none">a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kế kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc;e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;	
--	--	--	---	--

- | | | | | |
|--|--|--|---|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none">f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; | |
|--|--|--|---|--|

			<p>p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán ra mỗi loại;</p> <p>q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>4, Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại</p>	
--	--	--	--	--

			<p>được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>5, Tất cả các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
4	Điều 3.2	<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. <u>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</u></p>	<p>Sửa đổi và bổ sung theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và Điều lệ Công ty</p>
5			<p>Bổ sung: “Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp”</p> <ul style="list-style-type: none"> • Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. • Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp 	<p>Bổ sung theo Mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

			<p>lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</p> <ul style="list-style-type: none"> Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty. 	
6	Điều 4	<p>Điều 4: Nhân sự Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chủ tọa và Đoàn chủ tịch 2. Thư ký đại hội 3. Ban Kiểm phiếu 4. Ban kiểm tra tư cách đại biểu 		<p>Sửa đổi theo mẫu Quy chế kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

7	Điều 5	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số lượng cổ đông dự họp đại diện trên <u>51%</u> tổng số phiếu biểu quyết.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số lượng cổ đông dự họp đại diện trên <u>50%</u> tổng số phiếu biểu quyết.	Sửa đổi theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp 2002 và Thông tư 116/2020/TT-BTC
8	Điều 6	1. HĐQT tổ chức họp và ban hành nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được lập sớm hơn <u>(05)</u> ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;	1. HĐQT tổ chức họp và ban hành nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được lập sớm hơn mười <u>(10)</u> ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;	Sửa đổi theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp 2020, Thông tư 116/2020/TT-BTC
9	Điều 7	2, Người triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không quá năm (05)</u> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;	2, Người triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không quá mười (10)</u> ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ	Sửa đổi theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp 2020, Thông tư 116/2020/TT-BTC

	<p>3, Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của công ty niêm yết. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất mười lăm (15) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).</p> <p>4, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông....</p> <p>5, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản Điều này</p>	<p>đồng có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>3, Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của công ty niêm yết. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất 21 ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).</p>	
10		<p>Bổ sung: “Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông”</p> <p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ Công ty và Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

			<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;c. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty. <p>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp,</p>	
--	--	--	--	--

			trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận	
11			<p>Bổ sung: “Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông”</p> <ol style="list-style-type: none"> Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 điều 144 Luật Doanh nghiệp. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của</p>	Sửa đổi theo Điều lệ Công ty, Thông tư 116/2020/TT-BTC

			<p>cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>3. Phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự,</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
12	Điều 8	2. Quy định về việc ủy quyền tham gia đại hội	<p><u>Bổ sung</u></p> <p>4, Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	

			<p>Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại Đại hội sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc và đại diện ủy quyền của mình là hợp lệ với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.</p> <p>Căn cứ kết quả kiểm tra tư cách dự họp của các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông, Ban kiểm tra tư cách cổ đông ghi nhận sự có mặt của cổ đông và phát cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có) và các tài liệu của Đại hội..</p>	
13	Điều 9	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông: <ol style="list-style-type: none"> a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; b. Báo cáo của HĐQT c. Báo cáo của Ban Kiểm Soát d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty e. 2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: 		

		<p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b.</p>	
14			<p>Bổ sung: Điều 12. “Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông”</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. 2. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: <ol style="list-style-type: none"> a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty; b. Định hướng phát triển công ty; c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường

			<p>hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể công ty.</p>	
15	Điểm b khoản 2 điều 12	Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 11 Quy chế này	Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 14 Quy chế này.	
16			<p>Bổ sung: Điều 17. “Điều kiện để nghị quyết được thông qua”</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; 	

			<ul style="list-style-type: none">- Tổ chức lại, giải thể công ty; <ol style="list-style-type: none">3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ này.	
--	--	--	--	--

- | | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | | <ol style="list-style-type: none">5. Trường hợp cổ đông dự họp là người có liên quan không có quyền biểu quyết về một vấn đề thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có ít nhất 50 hoặc 65% tổng số phiếu được quyền biểu quyết tương ứng theo quy định của pháp luật.6. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số phiếu hợp lệ biểu quyết chấp thuận.7. Các Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.8. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.9. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm | |
|--|--|--|--|--|

			<p>thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản..</p>	
17	Điểm j Khoản 1 Điều 16		<p>Bổ sung: Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	
18	Điều 17	<p>Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua từ khi 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p>		

		2.		
19	Điều 18,19,20	<p>Điều 18. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>Điều 20. Báo cáo tình hình quản trị công ty</p>		
20			<p>Bổ sung: Điều 21. “Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông”</p> <p>Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p>	
21	Điều 21	<p>Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <ol style="list-style-type: none"> Sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ công ty; Định hướng phát triển công ty Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát; 	<p>Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty bất kể khi nào kể cả trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp 2020</p>	Sửa đổi theo Điều lệ Công ty 2022

		<ul style="list-style-type: none"> e. Dự án đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán; f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g. Tổ chức lại, giải thể công ty; h. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; i. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; j. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty 		
22	Điểm b khoản 5 Điều 22	Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản <u>nếu được cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành</u> và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><u>Sắp xếp lại trình tự các mục</u></p>	Sửa đổi theo Điều lệ Công ty và Thông tư 116/2020/TT-BTC
23			<p>Bổ sung:</p> <p>Điều 24. Tổ chức Đại hội trực tuyến</p> <p>Điều 25. Cách thức đăng ký dự họp.</p> <p>Điều 26. Việc ủy quyền cho Người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến.</p> <p>Điều 27. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ bằng hình thức trực tuyến</p>	

			<p>Điều 28. Trình tự, thể thức tiến hành ĐHĐCĐ trực tuyến</p> <p>Điều 29. Cuộc họp Đại hội bằng hình thức trực tuyến</p> <p>Điều 30. Cách thức biểu quyết tại ĐHĐCĐ trực tuyến</p> <p>Điều 31. Phiếu biểu quyết không hợp lệ</p> <p>Điều 32. Xác định kết quả biểu quyết</p> <p>Điều 33. Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ</p> <p>Điều 34. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</p>	
24	Khoản 1,2,3,4 điều 23	<p>1. Số lượng thành viên HĐQT là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.</p> <p>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty trong không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</u></p> <p>2. <u>Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công ty.</u></p>	

	<p>2. Cơ cấu thành viên HĐQT:</p> <p>a. Tổng số thành viên HĐQT thành viên độc lập HĐQT phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT</p> <p>b. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT; - Có đơn từ chức; 	<p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số <u>thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.</u></p> <p>4. <u>Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u></p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp. cụ thể:</p> <p>a. <u>Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp</u> 	
--	--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; - Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; - Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT; - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> - <u>Có đơn từ chức và được chấp thuận;</u> b. <u>Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</u> - <u>Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u> 	
25	Khoản 2 Điều 24	<p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c, Bỏ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;</p>	<p>Điều 34. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>i, <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</u></p>	Sửa đổi, bổ sung theo Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và sắp xếp lại trình tự các mục theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

	<p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p> <p>h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức,</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p>	<p>o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; <u>yêu cầu phá sản công ty;</u></p> <p>p. <u>Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành Quy chế Ban kiểm soát, Quy chế về công bố thông tin của Công ty.</u></p> <p>n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức <u>hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</u></p> <p>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;</p>	
--	--	--	--

		<p>m, Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p>	<p>Bổ sung</p> <p>c, Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>e, Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>f, Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g, Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h, Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p>	
26	Khoản 3 Điều 24	<p>Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của công ty;</p>		

		e.		
27	Khoản 4 điều 24	Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.	Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.	
28	Khoản 5 điều 24	Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt Công ty.		
29	Điều 25	HDQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra HDQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động công ty 2. Đối xử bình đẳng với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty; 		

		<p>3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;</p> <p>4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>5. Báo cáo HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Quy chế này;</p> <p>6. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của công ty.</p>		
30	Điểm c khoản 1 điều 26	Thành viên HĐQT của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.	<p>Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.</p> <p>Bổ sung:</p> <p>d, Đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ</p>	
31	Khoản 2,3 điều 26	2. Số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 23 Quy chế này.		

		<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc trong Công ty.</p>		
32			<p>Bổ sung điều 27 => Điều 37. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ chuyên môn; c. Quá trình công tác; d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác); 	

			<p>e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan đến Công ty;</p> <p>f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;</p> <p>Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan đến công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p>	
33	Điều 27	<p>Điều 27: Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty</p> <p>1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sau (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử từ một (01) ứng cử viên, từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30 đến dưới 40% được đề cử ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên, từ</p>	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên HĐQT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; 	

		<p>60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên, và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử được Công ty quy định tại Khoản 4 Điều 32 Quy chế này và được công bố rõ ràng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa 05 ứng viên.. <p>3, Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bổ sung:</p> <p>4, Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.</p>	
--	--	---	---	--

34	Điều 28	Điều 28: Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Thành viên HĐQT		
35	Điều 30	<p>1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp; b. Có đơn từ chức; c. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty. <p>2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp. cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp - Có đơn từ chức và được chấp thuận; b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; <p>Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản a và khoản b Điều này</p>	
36			<p>Bổ sung</p> <p>Điều 42. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	

			Điều 43. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	
37	Điều 34	<p>1, Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu có liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp)</p> <p>a. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là <u>05 ngày làm việc trước ngày họp</u>. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo mời họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian và địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên;</p> <p>b. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty</p>	<p>1, Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu có liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp)</p> <p>a. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là <u>03 ngày làm việc trước ngày họp</u>. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên</p> <p>b. Thông báo mời họp được gửi bằng <u>giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ quy định</u> và đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty</p>	

			<p>Bổ sung:</p> <p>f, Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; - Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định; - Tham dự và biểu quyết thông qua tại hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. - Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác 	
38	Khoản 5 Điều 34	5. Ghi biên bản họp HĐQT;	<p>Điều 46. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau bao gồm các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. 2. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản Tiếng Việt được áp dụng. 	

			<p>Biên bản họp cần có đầy đủ chữ ký của chủ tọa và Thư ký. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và Biên bản có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp (trừ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp) thì biên bản này có hiệu lực.</p> <p>3. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
39	Khoản 6 Điều 34	6. Thông báo nghị quyết HĐQT	Điều 47. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	
40			<p>Bổ sung:</p> <p>Điều 48. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 49. Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>Điều 50. Thư ký Công ty</p>	
41			<p>Bổ sung:</p> <p>Điều 51. Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát là cơ quan giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc để các hoạt động</p>	

			của Công ty được minh bạch vì lợi ích của các cổ đông và Công ty.	
42	Khoản 2 Điều 35	<p>Các kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi tham khảo ý kiến của HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông. 	<p>Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó. 	
43	Điều 36, 37	<p>Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên</p> <ol style="list-style-type: none"> Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên. 	<p>Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện 	

	<p>2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính công ty; 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình; 3. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông; 4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành 	<p>kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình. 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác. 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông. 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. 7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. 8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có 	
--	--	---	--

		<p>doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>5. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.</p>	<p>quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	
44	Điều 38	<p>Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên</p> <p>1, Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:.....</p> <p>2, Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty</p>		
45	Điều 39	<p>Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.....</p>	<p>Điều 54. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 2 Điều 24 Điều lệ.</p>	

			<p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p>	
46	Điều 40	Công bố thông tin ứng viên tham gia Ban kiểm soát		
47	Điều 42	<p>1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp:</p> <p>a, Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c, Có đơn từ chức và được chấp nhận</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định.</p> <p>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp:</p> <p>a, Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p>	<p>a. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; - Có đơn từ chức và được chấp thuận; <p>b. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; 	

		<p>b, Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p> <p>c, Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; - Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. 	
48			<p>Bổ sung:</p> <p>Điều 60. “Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát”</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p>	

			3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.	
49	Chương 5 Điều 46	Tiểu ban trực thuộc HĐQT		
50	Chương 6	Người điều hành doanh nghiệp Điều 47: Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp Điều 48: Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp Điều 49: Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp Điều 50: Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp Điều 51: Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY Điều 61. Người điều hành Doanh nghiệp và cán bộ quản lý. Điều 62. Tổng Giám đốc.	
51	Chương 7	Chương 7: QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC		

52	Chương 8	<p>Chương 8: Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác</p>	<p>Chương 6: Các hoạt động khác</p> <p>Điều 63. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc thống nhất và ban hành quy chế phối hợp hoạt động giữa các bên</p> <p>Điều 64. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.</p> <p>Điều 65. Khen thưởng</p> <p>Điều 66. Kỷ luật</p> <p>Điều 67. Hiệu lực thi hành</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông bao gồm 6 chương, 67 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 04 năm 2022. 2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty. 3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT 	
53		<p>Chương 9: Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Chương 10: Sửa đổi quy định về quản trị Công ty</p> <p>Chương 11: Ngày có hiệu lực</p>	<p>Điều 67. Hiệu lực thi hành</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông bao 	

	<p>Điều 69: Ngày có hiệu lực</p> <ol style="list-style-type: none">1. Quy chế này gồm 11 chương 69 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông nhất trí thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2018.2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT	<p>gồm 6 chương, 67 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 04 năm 2022.</p> <ol style="list-style-type: none">2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.	
--	---	--	--



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 154 /2022/Ttr-CMT-BKS

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2022.

TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần
Công nghệ mạng và Truyền thông)

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần
Công nghệ mạng và Truyền thông**

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản dưới luật hướng dẫn;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản dưới luật hướng dẫn;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông.

Theo yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Công ty, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông, cụ thể tại tài liệu đính kèm tờ trình này.

Kính trình Ủy quyền cho Ban kiểm soát phối hợp tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của Pháp luật nhằm thực hiện việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát như trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 chấp thuận thông qua./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT, TV BKS
- Lưu

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Thị Kiều Dung



(Dự thảo)

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2022

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản dưới luật hướng dẫn;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản dưới luật hướng dẫn;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...
- Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - e. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- f. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố

rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác;

- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị
 - c. Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản

họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy

định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông bao gồm 7 Chương, 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28.tháng 04 năm 2022

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Lê Thị Kiều Dung



Số: 1504.9 /2022/Ttr-CMT-HĐQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần
Công Nghệ Mạng và Truyền Thông)

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Công Nghệ
Mạng và Truyền Thông**

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản dưới luật hướng dẫn;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản dưới luật hướng dẫn;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công Nghệ Mạng và Truyền Thông.

Theo yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công Nghệ Mạng và Truyền Thông, cụ thể tại tài liệu đính kèm tờ trình này.

Kính trình Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phối hợp tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của Pháp luật nhằm thực hiện việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 chấp thuận thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT, TV BKS
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Dự thảo)

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2022

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản dưới luật hướng dẫn;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản dưới luật hướng dẫn;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2804/2022/NQ-CMT-HĐQT ngày 28/4/2022

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của HĐQT quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của HĐQT và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho: Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ, thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này được hiểu như sau:

1. **Công ty** là Công ty cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông, viết tắt là CMT.
2. **ĐHĐCĐ** là Đại hội đồng cổ đông của Công ty.
3. **HĐQT** là Hội đồng quản trị của công ty.

4. **BKS** là Ban kiểm soát của Công ty.
5. **Ban Tổng Giám đốc** bao gồm Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc của Công ty.
6. **Đơn vị** bao gồm các phòng nghiệp vụ, đơn vị sản xuất, đơn vị trực thuộc Công ty.
7. Phòng nghiệp vụ là các phòng, ban, bộ phận, văn phòng và các đơn vị nghiệp vụ tương đương khác của Công ty.
8. Đơn vị trực thuộc là chi nhánh hoặc đơn vị tương đương khác trực thuộc Công ty
9. Đơn vị sản xuất là các nhà máy/ trạm sản xuất.
10. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức theo quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 6 của Luật Chứng khoán.
11. Thành viên HĐQT độc lập là thành viên HĐQT đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
12. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác được HĐQT bổ nhiệm.
13. Người điều hành Công ty là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Tùy theo nhu cầu quản lý Công ty trong từng thời điểm, HĐQT Công ty có thể bổ nhiệm các người điều hành khác.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT
 - b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp
 - c. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT
 - d. Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT;
 - e. Giám sát việc tổ chức các nghị quyết HĐQT
 - f. Chủ tọa cuộc họp ĐHCĐ
 - g. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHĐCĐ.
4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị toà án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT
5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐQT

Phó Chủ tịch HĐQT có quyền và nhiệm vụ sau:

1. Tham mưu cho Chủ tịch HĐQT trong việc quản trị Công ty và giúp Chủ tịch HĐQT trong việc điều hành các hoạt động của HĐQT
2. Thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập và chủ trì các phiên họp HĐQT, điều hành các hoạt động của HĐQT và thực hiện chức năng quản trị Công ty khi Chủ tịch vắng mặt, với điều kiện là việc thay thế này đã được Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản.
3. Các nhiệm vụ cụ thể khác được quy định trong văn bản phân công nhiệm vụ HĐQT.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau:

1. Thực hiện quyền và nhiệm vụ trong khuôn khổ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty
2. Nghiên cứu đánh giá tình hình và kết quả hoạt động, đóng góp ý kiến vào việc xây dựng phương hướng nhiệm vụ và kế hoạch kinh doanh hàng năm, quý, tháng
3. Tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT, trực tiếp thảo luận và tham gia biểu quyết hoặc gửi ý kiến tham gia biểu quyết (trong trường hợp vắng tại cuộc họp) để quyết định các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những ý kiến phát biểu của mình
4. Được HĐQT phân công phụ trách một hoặc một số mảng hoạt động của HĐQT, được ủy quyền quyết định và ký một số giấy tờ có liên quan đến các mảng hoạt động phụ trách.

5. Thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập và chủ trì các phiên họp HĐQT, điều hành các hoạt động của HĐQT và thực hiện chức năng quản trị Công ty khi Chủ tịch HĐQT vắng mặt, với điều kiện là việc thay thế này đã được Chủ tịch HĐQT ủy quyền bằng văn bản
6. Công bố cho HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà thành viên đó là người đại diện phần vốn góp của Công ty.
7. Thông báo bằng văn bản cho HĐQT về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật, giao dịch giữa Công ty với Công ty trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin
8. Thực hiện báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về các giao dịch liên quan đến cổ phần của Công ty giữa thành viên đó và những người có liên quan theo quy định của pháp luật.
9. Thành viên HĐQT độc lập của Công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.
10. Các nhiệm vụ cụ thể khác được quy định trong văn bản phân công nhiệm vụ HĐQT.

Điều 7. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 8. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

1. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT:
 - a. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - b. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác.
2. Số lượng thành viên:
 - a. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người. Số lượng cụ thể thành viên HĐQT trong từng thời kỳ do ĐHCĐ quyết định. Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải bảo đảm: có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên HĐQT từ 03 đến 05 thành viên, có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên HĐQT từ 06 đến 08 thành viên, có tối thiểu 03 thành viên độc lập nếu Công ty có số thành viên HĐQT từ 09 đến 11 thành viên.

Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất $\frac{1}{3}$ tổng số thành viên HĐQT

- b. HĐQT lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một người làm Chủ tịch HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 30 ngày.

Điều 9. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
2. Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng thêm các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 155 của Luật Doanh nghiệp
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải thông báo HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

Điều 10. Ứng cử, đề cử và bầu Thành viên HĐQT

1. Việc ứng cử, đề cử người vào HĐQT được thực hiện như sau:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều lệ Công ty để đề cử người vào HĐQT phải thông báo cho HĐQT biết chậm nhất 03 ngày làm việc trước khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.
 - b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm a khoản 1 điều này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên HĐQT nhưng không vượt mức tối đa được quyền đề cử được quy định tại Điều lệ Công ty.
 - c. Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do HĐQT đương nhiệm đề nghị và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử
 - d. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ

một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn,
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác; (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác)
- Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

2. Biểu quyết bầu thành viên HĐQT

- a. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc phương thức dồn phiếu. Trước khi họp ĐHCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên HĐQT, HĐQT sẽ quyết định phương thức biểu quyết bầu thành viên HĐQT phù hợp với các quy định tại Điều lệ Công ty.
 - b. Trường hợp biểu quyết bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu thì mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc tổng số cổ phần đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 - c. Phương thức bầu dồn phiếu do HĐQT xác lập tại Thẻ lệ bầu cử.
 - d. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT (đảm bảo tỷ lệ tối thiểu thành viên độc lập HĐQT) quy định tại Điều lệ Công ty. Ứng viên trúng cử thành viên HĐQT phải có ít nhất 01 phiếu bầu. Để đảm bảo đạt số lượng tối thiểu thành viên độc lập HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty, các ứng viên độc lập HĐQT sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi chọn đủ số lượng thành viên độc lập HĐQT, việc chọn các thành viên HĐQT còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp bao gồm các ứng viên HĐQT không độc lập và độc lập còn lại).
 - e. Trường hợp có từ 02 thành viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu cử lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí trong Thẻ lệ bầu cử. Trường hợp không có đủ số thành viên HĐQT hoặc thành viên độc lập HĐQT thì Đại hội sẽ tiến hành bầu cử lại cho đến khi đủ số lượng.
3. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu

4. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT được thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 11. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
 - a. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau:
 - Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - Có đơn từ chức và được chấp nhận;
 - b. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong thời gian 06 tháng mà không có sự chấp thuận của HĐQT, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của ĐHĐCĐ
 - c. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a và b nêu tại khoản 1 Điều này.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên mà pháp luật quy định hoặc ít hơn $\frac{1}{3}$ so với số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.
 - b. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày số thành viên độc lập HĐQT còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy chế này.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của HĐQT

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của HĐQT

1. Cơ cấu tổ chức hoạt động của HĐQT bao gồm:
 - a. Chủ tịch HĐQT;
 - b. Phó Chủ tịch HĐQT. Phụ thuộc vào yêu cầu quản trị của Công ty vào từng thời điểm mà HĐQT có thể bầu một hoặc nhiều thành viên làm Phó Chủ tịch HĐQT.
 - c. Các thành viên HĐQT
2. Cơ quan giúp việc cho HĐQT là Văn phòng Công ty và Thư ký công ty, có chức năng và nhiệm vụ được quy định cụ thể tại Mục 2 Chương này.

Điều 13. Chức năng của HĐQT

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc ĐHĐCĐ, HĐQT có chức năng sau:

1. Chức năng quản trị

- a. Định hướng, hoạch định mục tiêu và đề ra các giải pháp, chính sách phát triển Công ty trong từng giai đoạn trung và dài hạn;
- b. Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt kế hoạch kinh doanh - tài chính hàng năm;
- c. Chỉ đạo xây dựng và ban hành hệ thống văn bản lập quy từ việc cụ thể hóa pháp luật của Nhà nước nhằm tạo ra hành lang pháp lý phù hợp điều chỉnh mọi hoạt động của Công ty;
- d. Xây dựng, phát triển và quản lý nguồn cán bộ khung và cán bộ quy hoạch cho các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT, đồng thời chỉ đạo Người điều hành xây dựng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty
- e. Xây dựng và ban hành Quy chế quản trị Nội bộ Công ty và nghiên cứu cải tiến cơ cấu - cơ chế - phương thức - quy trình quản trị điều hành Công ty cho phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty qua từng giai đoạn;
- f. Chỉ đạo, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của Công ty trong từng năm tài chính;
- g. Chỉ đạo, giám sát người điều hành trong việc tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- h. Báo cáo cho ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, báo cáo về việc giám sát đối với hoạt động điều hành của Người điều hành trong năm tài chính.

2. Chức năng quản lý của HĐQT

- a. Thay mặt ĐHĐCĐ quản lý Công ty, giám sát các hoạt động điều hành của Người điều hành;
- b. Theo dõi quản lý các thay đổi, biến động liên quan đến số lượng, thông tin cổ đông - cổ phiếu - cổ phần- tài sản của Công ty, kể cả quá trình chuyển nhượng vốn cổ phần.
- c. Theo dõi quản lý chặt chẽ quá trình sử dụng các Quỹ của Công ty. Quản lý vốn đầu tư của Công ty trong từng thời kỳ, căn cứ đề nghị của thành viên HĐQT hoặc Tổng Giám đốc, HĐQT có thể quyết định các giải pháp điều tiết các khoản vốn này theo hướng an toàn và hiệu quả.
- d. Theo dõi, quản lý và đảm bảo quá trình sử dụng các nguồn vốn để mua sắm, xây dựng, nâng cấp các loại tài sản cố định của Công ty được thực hiện minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT

1. Quyền và nhiệm vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền và nhiệm vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch
 - a. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong số các đối tượng sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;
 - c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn $\frac{1}{3}$ so với số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty;
 - d. Khi số lượng thành viên độc lập HĐQT còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật;

- e. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - f. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT còn lại như quy định tại Điểm c khoản 1 Điều này;
 - b. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày số thành viên độc lập HĐQT còn lại như quy định tại Điểm d khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm e khoản 1 Điều này. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, khi đó, HĐQT được quyền lựa chọn thực hiện một trong các hành động quy định tại khoản 3 Điều 155 Luật doanh nghiệp.
 - c. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 2a và khoản 2b thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm e khoản 1 Điều này có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ;
Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
 - d. Thủ tục tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ công ty và khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham dự vào biểu quyết tại Đại hội;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Chương trình họp, nội dung và các tài liệu theo quy định phù hợp với pháp luật và các quy định của Công ty;
 - d. Dự thảo Nghị quyết và tài liệu họp theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - f. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
 - g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Mục 2. Văn phòng Công ty và Thư ký Công ty

Điều 16. Cơ cấu tổ chức của Văn phòng Công ty

Cơ cấu tổ chức của Văn phòng công ty bao gồm:

- 1. Chánh văn phòng Công ty/ Phó Chánh Văn phòng Công ty;
- 2. Các chuyên viên Văn phòng Công ty;

Điều 17. Cơ chế hoạt động của Văn phòng Công ty

Văn phòng Công ty là cơ quan trực thuộc đồng thời HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty. Bên cạnh các chức năng theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, văn phòng Công ty có chức năng tổng hợp, điều phối hoạt động theo chương trình, kế hoạch công tác, tham mưu toàn diện các mặt hoạt động của Công ty;

1. Điều hành chung mọi hóa động của Văn phòng là Chánh văn phòng/Phó Chánh văn phòng, tùy vào nhu cầu công việc.
2. Tiểu ban giúp việc HĐQT: Tùy thuộc vào nhu cầu của từng giai đoạn phát triển, Văn phòng Công ty có thể đề xuất và tham mưu cho HĐQT thành lập các Tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT. Nhân sự của các Tiểu ban này có thể là chuyên trách, kiêm nhiệm hoặc có thể ký hợp đồng cộng tác viên với Công ty với chức danh chuyên gia. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

Điều 18. Chức năng và nhiệm vụ của Văn phòng Công ty

Văn phòng Công ty có các chức năng và nhiệm vụ sau:

1. Là cầu nối các hoạt động giữa:
 - a. Cầu nối giữa các cơ quan: HĐQT, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng giám đốc công ty, các Doanh nghiệp mà Công ty có vốn góp (nếu có), các cơ quan bên ngoài;
 - b. Chủ tịch HĐQT với các thành viên HĐQT;
 - c. HĐQT với các cổ đông công ty và các công ty thành viên;
 - d. HĐQT với các Cơ quan, ban ngành, Đoàn thể, các tổ chức, cá nhân, kể cả nước ngoài
2. Là cơ quan tham mưu cho HĐQT về các chức năng quản trị Công ty, bao gồm:
 - a. Hoạch định, định hướng, mục tiêu, các chính sách phát triển và xây dựng hành lang pháp lý;
 - b. Tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự;
 - c. Kiểm tra theo dõi, giám sát và đôn đốc việc tuân thủ quy định và thực hiện các chủ trương chính sách của HĐQT;
 - d. Tham mưu, làm đầu mối giúp HĐQT theo dõi, đôn đốc các đơn vị chuẩn bị các chương trình, đề án, phương án, dự án của Công ty đã được HĐQT phê duyệt;
 - e. Các vấn đề liên quan đến cổ phần, cổ phiếu, Cổ đông của công ty;
 - f. Theo dõi, giám sát và đôn đốc thực hiện các ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với các Công ty thành viên;
 - g. Tiếp nhận và rà soát các chủ trương, vấn đề, các dự án do Tổng Giám đốc đề xuất, có ý tham mưu giúp cho các thành viên HĐQT xem xét;
 - h. Tham mưu tổ chức các cuộc họp HĐQT định kỳ/bất thường và tham mưu tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên/ bất thường;
 - i. Giám sát việc triển khai Nghị quyết của ĐHCĐ, các quyết định của HĐQT liên quan xây dựng chiến lược phát triển sản xuất, phát triển tổ chức, phát triển nguồn nhân lực, phát triển kinh doanh và quản lý tài chính Công ty;

- j. Xem xét các vấn đề có liên quan trong lĩnh vực phát triển kinh doanh, quản lý tài chính đề xuất cho HĐQT;
- k. Tham mưu HĐQT trong việc thực hiện quy chế quản trị trong lĩnh vực quản lý kinh doanh, quản lý tài chính;
- l. Thực hiện các nhiệm vụ khác được HĐQT giao vào từng thời điểm;
- m. Phụ trách hoạt động Công bố thông tin cho Công ty.
- 3. Tổ chức thực hiện các nghiệp vụ hành chính và thư ký tại Văn phòng.

Điều 19. Chức năng và nhiệm vụ của Chánh văn phòng Công ty/ Phó chánh văn phòng

Chánh văn phòng Công ty/ Phó chánh văn phòng có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- 1. Chánh văn phòng Công ty/ Phó chánh văn phòng là người điều phối mọi mặt hoạt động của Văn phòng, chịu trách nhiệm cá nhân trước HĐQT, Tổng Giám đốc về nhiệm vụ được giao.
- 2. Tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng được quy định tại Quy chế này.
- 3. Phụ trách công tác tổ chức nhân sự của Văn phòng.
- 4. Thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Văn phòng và áp dụng các biện pháp cần thiết theo thẩm quyền nhằm thực hiện nhiệm vụ được giao
- 5. Giúp HĐQT theo dõi tình hình hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban, Ban do HĐQT quyết định thành lập và tham mưu tổng hợp cho HĐQT để có quyết sách kịp thời;
- 6. Phối hợp với các Chuyên viên thực hiện một số công việc theo yêu cầu của HĐQT;
- 7. Thực hiện một số công việc khác phát sinh theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 20. Các chuyên viên Văn phòng Công ty

Giúp HĐQT trong việc nghiên cứu chuyên sâu một số lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Công ty, HĐQT có thể có một hoặc một số chuyên viên tư vấn làm việc thường xuyên hoặc bán thường xuyên và được hưởng tiền lương hoặc thù lao công vụ tùy theo chế độ làm việc và hiệu quả đóng góp của mỗi chuyên viên do HĐQT quy định cụ thể trong từng giai đoạn.

Điều 21. Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty (Thư ký Công ty)

- 1. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT bổ nhiệm một hoặc nhiều người làm nhiệm vụ Thư ký Công ty là nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ HĐQT và chủ tịch HĐQT thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Nhiệm kỳ của Thư ký làm nhiệm vụ phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là 05 năm.
- 2. Thư ký công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị công ty là người hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
- 3. Thư ký công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT;
 - c. Tư vấn đề thủ tục của các cuộc họp;

- d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;
 - f. Cung cấp các thông tin tài liệu, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT;
 - g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
4. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. được quy định tại Điều lệ Công ty
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. Khi cần thiết HĐQT có thể họp bất thường để giải quyết các nhu cầu cấp bách của Công ty và theo các yêu cầu khác được quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Thành phần tham dự bao gồm các thành viên HĐQT, Chánh văn phòng/Phó Chánh văn phòng công ty, và Thư ký công ty. Tùy vào nội dung cuộc họp mà HĐQT có thể mời thêm thành viên Ban Tổng giám đốc cùng dự họp. Phiên họp thường kỳ do Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập và chủ trì. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì thực hiện theo quy định tại Khoản 03 Điều 11 Quy chế này.
4. Thành viên Ban Tổng giám đốc không phải là thành viên HĐQT được quyền tham dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền tham gia thảo luận nhưng không được biểu quyết.
5. Thư mời họp, chương trình và tài liệu cần nghiên cứu trước (nếu có) phải được gửi đến các thành viên dự họp chậm nhất là 15 ngày làm việc trước ngày họp. Các thành viên HĐQT, Chủ tịch/Phụ trách Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc có thể kiến nghị Chủ tịch HĐQT bổ sung vào chương trình phiên họp những nội dung mà người kiến nghị nhận thấy là quan trọng và cấp thiết. Kiến nghị này phải được gửi đến Văn phòng Công ty chậm nhất là 01 ngày trước ngày họp.
6. Nội dung phiên họp thường kỳ bao gồm:
 - a. Đánh giá tình hình và kết quả hoạt động kỳ trước, thông qua và bàn biện pháp chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoạt động kỳ này.

- b. Thảo luận và quyết định những vấn đề có liên quan đến việc triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển dài hạn của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- c. Thông qua các quy chế, thể lệ và các quy định được xây dựng mới hoặc được bổ sung sửa đổi thuộc thẩm quyền quyết định ban hành của HĐQT.
- d. Thảo luận và quyết định các vấn đề khác có liên quan đến trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT

Điều 23. Các cuộc họp bất thường

1. HĐQT họp bất thường khi có đề nghị bằng văn bản của:
 - a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 cán bộ quản lý khác;
 - b. Thành viên độc lập;
 - c. Ít nhất 02 thành viên HĐQT;Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 07 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty, và những người đề nghị tổ chức cuộc họp nêu tại khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.
3. Thư mời họp, chương trình và tài liệu cần nghiên cứu trước (nếu có) phải được gửi đến các thành viên HĐQT, Chủ tịch/Phụ trách Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày dự họp;
4. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
5. Nội dung phiên họp bất thường do Chủ tịch HĐQT quyết định hoặc do những người đề nghị triệu tập phiên họp bất thường chuẩn bị, thông thường là để bàn và quyết định những vấn đề quan trọng và cấp bách nhất Công ty.

Điều 24. Điều kiện để tiến hành cuộc họp HĐQT

1. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp, tính cả trường hợp thành viên HĐQT ủy quyền cho một người khác trong HĐQT tham dự và biểu quyết và được đa số thành viên HĐQT.
2. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

3. Trong trường hợp cả hai lần họp đều không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì trong vòng 30 ngày sau đó, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để xem xét tư cách các thành viên HĐQT không tham dự phiên họp ĐHQT.
4. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau:
 - (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (ii) Ủy quyền cho người khác đến tham dự và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;
 - (iii) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - (iv) Phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ và pháp luật.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

5. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác tham dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

Điều 25. Hình thức họp trực tuyến của HĐQT

1. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
2. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là hết họp tất cả các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là có mặt tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm cuộc họp là địa điểm của Chủ tọa cuộc họp hiện diện.
3. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp theo hình thức nêu trên, được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng văn bản có các chữ ký của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp.

Điều 26. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT

1. Trong một số trường hợp khẩn cấp, thay vì triệu tập cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể lấy ý kiến biểu quyết quyết định một hoặc một số vấn đề bằng Phiếu ý kiến của các thành viên. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm thực hiện việc chuyển các tài liệu liên quan đến nội dung cần biểu quyết và mẫu Phiếu ý kiến đến các thành viên.
2. Trong trường hợp này, các quyết định của HĐQT chỉ có hiệu lực khi được đa số thành viên HĐQT gửi phiếu thuận. Kết quả biểu quyết bằng Phiếu ý kiến có giá trị như các

quyết định trong cuộc họp bình thường của HĐQT và kết quả kiểm phiếu trong trường hợp này cũng phải được ghi vào Biên bản của HĐQT.

Điều 27. Thể thức biểu quyết trong cuộc họp

1. Một thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết và có giá trị ngang nhau. Các quyết định của HĐQT được thông qua theo nguyên tắc đa số. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT;
2. Đối với những vấn đề quan trọng có liên quan đến nhân sự, tiền vốn, lợi ích của Công ty và nghĩa vụ của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc thì người chủ trì phiên họp HĐQT có thể tiến hành biểu quyết bằng phiếu kín.
3. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
4. HĐQT có thể thông qua các quyết định bằng thư điện tử (email), văn bản sẽ có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm HĐQT đồng ý qua email, Thư ký Công ty có trách nhiệm trình HĐQT ký bản chính thức để lưu trữ hồ sơ.

Điều 28. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì tiếng Việt được áp dụng.
2. Nội dung các phiên họp HĐQT phải được Thư ký Công ty ghi chép trung thực và đầy đủ, đồng thời phải có họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản. Nội dung biên bản cuộc họp bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c. Thời gian, địa điểm họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

3. Chủ tọa và Thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
4. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 15 ngày kể từ khi chuyển đi.
5. Công ty có trách nhiệm thông báo nghị quyết của HĐQT theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V
CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ THÙ LAO CỦA HĐQT

Điều 29. Chế độ làm việc của HĐQT, trình báo cáo hằng năm

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT làm việc theo chế độ sau:
 - a. Thường niên;
 - b. Bán thường niên;
 - c. Chuyên trách (phụ trách theo dõi chỉ đạo và kiểm tra giám sát từng lĩnh vực hoạt động theo dự phân công của HĐQT).
2. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
 - Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
 - Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 30. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương,

- hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
 6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VI

CÔNG KHAI LỢI ÍCH LIÊN QUAN VÀ TRÁNH XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 31. Công khai các lợi ích liên quan

1. Công ty phải tập hợp, cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại Khoản 12 Điều 2 của Quy chế này và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này được thực hiện như sau:
 - a. Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên;
 - b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

- c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;
- d. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất, không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định pháp luật,
5. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 32. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về lợi ích

1. Thành viên HĐQT và những người có liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty thành viên với chính thành viên đó hoặc những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên HĐQT, có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Cán bộ Quản lý và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định.
5. ĐHĐCĐ chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây: Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong BCTC gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

- trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó, trừ giao dịch cấp khoản vay hoặc bảo lãnh không được phép thực hiện theo quy định pháp luật.
6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý, hoặc những tổ chức, cá nhân liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý hoặc những người có liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý đã được báo cáo cho HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan
 - b. Đối với hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc ĐHCĐ thông qua phê chuẩn.
 7. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên HĐQT đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.
 8. Các thành viên HĐQT và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VII

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 33. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên

Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 34. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 35. Quan hệ với Bộ máy điều hành

1. Với trách nhiệm là cơ quan quản trị Công ty, HĐQT có nhiệm vụ nghiên cứu một mô hình tổ chức Bộ máy điều hành tinh gọn, bố trí cán bộ điều hành một cách hợp lý, có biện pháp theo dõi chỉ đạo và kiểm tra giám sát thật khoa học, có quy chế đánh giá nhân sự định kỳ trong từng lĩnh vực công tác, đồng thời có chính sách tiền lương, tiền thưởng, đào tạo, bổ nhiệm một cách rõ ràng, minh bạch.
2. HĐQT phải tổ chức họp thảo luận, trao đổi với Người điều hành, có kế hoạch tham dự các buổi giao ban hàng tháng có Bộ máy điều hành và thường xuyên đến làm việc với các Công ty thành viên (nếu có) để qua đó thực hiện chức năng lãnh đạo và kiểm tra giám sát của HĐQT, đồng thời lắng nghe và xử lý kịp thời các kiến nghị có liên quan đến chủ trương, cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền.
3. HĐQT phải kịp thời và công minh trong việc chỉ đạo xử lý các sai phạm của cán bộ và nhân viên các cấp thuộc Bộ máy điều hành để qua đó duy trì và giữ vững kỷ cương, bảo vệ uy tín của Công ty trước khách hàng và cổ đông.

Điều 36: Quan hệ làm việc với cổ đông

1. HĐQT và các thành viên HĐQT cần thiết lập, duy trì và giữ vững mối quan hệ thường xuyên tốt đẹp đối với cổ đông của Công ty, thể hiện qua việc công bố các Báo cáo tài chính định kỳ của Công ty, bằng việc cung cấp thường xuyên những thông tin có thể cung cấp và đặc biệt là bằng việc đảm bảo việc hiệu quả hoạt động hàng năm của Công ty.
2. HĐQT cần đảm bảo tính minh bạch trong quản lý điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty, tính gương mẫu đi đầu trong việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và luôn thái độ trân trọng đối với cổ đông, kể cả đối với các cổ đông có số cổ phần khiêm tốn nhất.

3. Chủ tịch HĐQT và HĐQT cần xử lý kịp thời và minh bạch các kiến nghị của cổ đông, cần giải thích rõ ràng và kiên định về các chất vấn của cổ đông và tham gia giải quyết nhanh chóng các khiếu nại, kiến nghị của cổ đông (nếu có) cũng là phương pháp để duy trì và giữ vững mối quan hệ tốt đẹp giữa HĐQT và cổ đông.

Điều 37. Quan hệ với tổ chức Công đoàn.

1. HĐQT tạo điều kiện về tài chính và quỹ thời gian để Ban chấp hành Công đoàn cơ sở, công đoàn bộ phận có điều kiện làm tốt chức năng giáo dục, tập hợp, lãnh đạo quần chúng Công đoàn viên.
2. HĐQT ủy nhiệm cho Tổng Giám đốc ký thỏa ước lao động với Ban chấp hành Công đoàn, có cơ chế để đại diện ban chấp hành Công đoàn cơ sở và bộ phận tham gia Hội đồng khen thưởng hàng năm, đồng thời cũng cần phải xây dựng cơ chế để Ban chấp hành công đoàn cơ sở tham gia giám sát việc sử dụng hợp lý Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty.
3. HĐQT tạo điều kiện và cơ hội để lắng nghe tiếng nói của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở, đại diện cho ý chí và nguyện vọng chính đáng của đông đảo đoàn viên Công đoàn và nhân viên đang làm việc tại Công ty.

Điều 38. Quan hệ làm việc với tổ chức và cá nhân bên ngoài

1. Trên cơ sở trung thành với lợi ích của Công ty, mọi quan hệ của Công ty với các tổ chức và cá nhân bên ngoài phải hết sức thận trọng và phải do hoặc được ủy quyền bởi Chủ tịch HĐQT hay Tổng Giám đốc Công ty.
2. Mục đích và nội dung về kinh tế - tài chính, khoa học- công nghệ hoặc nghiệm cứu-đào tạo trong các mối quan hệ làm việc giữa Công ty với các tổ chức và cá nhân bên ngoài phải được xác định rõ, phải được ghi vào sổ tay công tác và phải phản ánh lại ngay cho Chủ tịch HĐQT hoặc cấp trên trực tiếp nắm sau mỗi lần quan hệ đàm phán, bất cứ ở trong hay ngoài nước.

Điều 39: Quan hệ làm việc với các cơ quan quản lý địa phương

1. Tuân thủ pháp luật, chấp hành các quy định của địa phương, tham gia tích cực vào các chương trình đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội, cải thiện môi trường sống và các chương trình kích cầu khác của địa phương là cách tốt nhất để thiết lập, duy trì và phát triển mối quan hệ làm việc bền vững lâu dài tại địa phương nơi có trụ sở và Chi nhánh Công ty tọa lạc;
2. Đảm bảo Công ty hoạt động ổn định, an toàn và hiệu quả; mối quan hệ giữa Công ty và khách hàng là tổ chức và dân cư trên địa bàn phát triển tốt đẹp; tự giác làm tròn nghĩa vụ nộp thuế và tham gia tích cực vào công tác phúc lợi xã hội tại địa phương; đồng thời không để xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo do mất đoàn kết nội bộ, cũng là cách để củng cố và tăng cường mối quan hệ làm việc giữa Công ty với các cơ quan - ban ngành-đoàn thể địa phương.

Điều 40: Quan hệ làm việc với các cơ quan truyền thông đại chúng

1. HĐQT xác định Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc là người phát ngôn chính thức của Công ty, có trách nhiệm và quyền cung cấp cho các cơ quan truyền thông đại chúng các nguồn thông tin cần thiết và trong phạm vi được phép để quảng bá rộng rãi thương hiệu Công ty.
2. Tổng Giám đốc là đầu mối duy nhất chịu trách nhiệm trước HĐQT về các tài liệu quảng cáo trên báo chí và phát trên đài truyền thanh, truyền hình có liên quan đến việc quảng bá thương hiệu - sản phẩm - dịch vụ của Công ty trong khuôn khổ quy định của pháp luật Nhà nước và vì sự phát triển bền vững và minh bạch của Công ty

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41. Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế

1. HĐQT, thành viên HĐQT và các đơn vị, cá nhân có liên quan trong phạm vi nội bộ Công ty có trách nhiệm tuân thủ nghiêm quy định trong Quy chế này;
2. Đơn vị hoặc cá nhân nào vi phạm các quy định trong Quy chế này sẽ xử lý theo Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty. Riêng các thành viên HĐQT vi phạm có thể được bị kiểm điểm trước tập thể HĐQT hoặc đưa ra ĐHĐCĐ gần nhất để được xem xét quyết định hình thức kỷ luật tùy theo tính chất và mức độ vi phạm.
3. Hình thức xử lý cao nhất đối với thành viên HĐQT vi phạm Quy chế này là bãi nhiệm chức danh thành viên HĐQT.

Điều 42. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung bản Quy chế này, căn cứ kiến nghị của HĐQT, Ban kiểm soát và theo yêu cầu có sự điều chỉnh của pháp luật về những nội dung có liên quan đến các quy định trong Quy chế này.

Điều 43. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông bao gồm 8 chương, 43 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 04 năm 2022.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải



Số: 15/04.10/2022/TTr-CMT-HĐQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

(Về việc cổ đông hiện hữu nhận chuyển nhượng cổ phiếu mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai)

Kính trình: Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký Công ty đại chúng và hủy tư cách Công ty đại chúng.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua việc cổ đông hiện hữu là ông Lê Ngọc Tú (Số CMND: 001075002804 do Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư cấp ngày 27/10/2014) nhận chuyển nhượng cổ phiếu dẫn đến tăng tỷ lệ sở hữu từ 23,22% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết lên 38,16% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông (Mã cổ phiếu: CMT) mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai cụ thể:

1. Ông Lê Ngọc Tú dự kiến nhận chuyển nhượng như sau:

Đối tượng chuyển nhượng là các cổ đông của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông theo danh sách sau đây:

STT	Họ tên	Số ĐKSH	Số lượng cổ phiếu đăng ký chuyển nhượng
1	Ông Vũ Kiều Ly	001076000326	361.080
2	Ông Lê Hồng Minh	011851094	363.460
3	Bà Trịnh Thị Tuyết Nhung	012145320	362.300



- Số lượng cổ phần của ông Lê Ngọc Tú trước giao dịch chuyển nhượng: 1.688.740 chiếm 23,22% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - Số lượng cổ phần của ông Lê Ngọc Tú dự kiến sau giao dịch chuyển nhượng: 2.775.580 chiếm 38,16% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - Phương án nhận chuyển nhượng: Giao dịch thỏa thuận qua sàn giao dịch UpCom.
2. Nội dung thực hiện:
- Ông Lê Ngọc Tú được quyền nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai trong các trường hợp sau:
- Tổ chức, cá nhân mua cổ phiếu có quyền biểu quyết dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt từ 25% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông;
 - Tổ chức, cá nhân sau khi nắm giữ từ 25% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông mua tiếp dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt hoặc vượt 35%, 45%, 55%, 65%, 75% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông.
3. Ông Lê Ngọc Tú, Ông Vũ Kiều Ly, Ông Lê Hồng Minh, Bà Trịnh Thị Tuyết Nhung có trách nhiệm thực hiện các thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại Hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.
Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VT.



Trần Thanh Hải





QUY CHẾ

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông.

Để Đại hội đạt được sự đồng thuận cao nhất của các cổ đông, thực hiện theo chương trình kế hoạch và những quy định của Điều lệ hoạt động Công ty cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty xây dựng quy chế làm việc của Đại hội với những nội dung cụ thể như sau:

Mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ và xây dựng;
- Vì quyền lợi của các cổ đông;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông.

Điều 1. Phạm vi áp dụng.

- 1.1 Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”).
- 1.2 Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại quy chế này.

Điều 3. Thành phần tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty trong danh sách cổ đông chốt ngày 18/03/2022.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội.

4.1 Quyền của các cổ đông khi tham dự Đại hội.

- Tất cả các cổ đông của Công ty đều có quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Trường hợp không thể tham dự Đại hội, cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Việc ủy quyền này phải được lập thành văn bản theo mẫu đính kèm Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Người tới dự được ủy quyền tới dự Đại hội phải xuất trình Giấy ủy quyền theo quy định. Trường hợp Cổ đông ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên ban kiểm soát tham dự và biểu quyết tại Đại hội thì việc ủy quyền có thể được thực hiện bằng các hình thức sau:

- Gửi fax tới số fax: 024 3773 0809
- Gửi bản scan tới email: thaopp@infonet.com.vn



- Cổ đông gửi chuyển phát trực tiếp giấy ủy quyền tới trụ sở chính Công ty (Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội).
- Ngoài các tài liệu được phát trong Đại hội, mỗi cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông còn được phát các Phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó nắm giữ hoặc được ủy quyền. Phiếu biểu quyết này được sử dụng khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề đã được thảo luận và/hoặc xin ý kiến Đại hội;
- Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

4.2 Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội.

- Tất cả các Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự, xuất trình đầy đủ giấy tờ tùy thân, thư mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách đại biểu;
- Tham gia đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Công ty. Trường hợp không đi được phải thực hiện ủy quyền cho người đại diện tham gia theo đúng quy định;
- Các cổ đông hay đại diện cổ đông tới tham dự cuộc họp phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội;
- Tuân thủ các điều kiện và thể thức quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này;
- Nghiêm túc chấp hành Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa đại hội.

5.1 Chủ tọa đại hội:

Chủ tọa đại hội là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền, giữ vai trò là người chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền phải là thành viên trong Hội đồng quản trị.

5.2 Chủ tọa đại hội có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Điều khiển Đại hội thực hiện chương trình làm việc một cách hợp lệ, có trật tự;
- Khi có những sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội cổ đông, Chủ tọa sẽ bàn bạc với những thành viên khác trong Ban Tổ chức (trước khi Đại hội bắt đầu), hoặc Đoàn chủ tọa (trong quá trình diễn ra Đại hội) để tìm ra cách thức giải quyết. Trong trường hợp có nhiều ý kiến khác nhau, ý kiến nào có sự ủng hộ của Chủ tọa sẽ mang tính quyết định;
- Có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
- Có quyền trì hoãn Đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến thời điểm khác và tại địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội, nếu nhận thấy rằng:
 - + Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - + Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
 - + Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ;

+ Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội.

- 6.1 Thư ký Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa chỉ định, có nhiệm vụ hỗ trợ Chủ tọa ghi nhận và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông;
- 6.2 Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác và đầy đủ của Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- 6.3 Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tọa phân công trong thời gian Đại hội tạm nghỉ.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và Ban Kiểm phiếu.

7.1 Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức đại hội thành lập, có trách nhiệm:

- Lập danh sách cổ đông tham dự đại hội.
- Thu và kiểm tra các giấy mời họp, giấy uỷ quyền tham dự đại hội.
- Kiểm tra cổ đông đi dự có đầy đủ và đúng thành phần không.
- Lập báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông để đọc trước đại hội.
- Phát tài liệu họp và phiếu biểu quyết cho các cổ đông trước khi vào hội trường.

7.2 Ban Kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Kiểm phiếu có 3 thành viên do Chủ tọa giới thiệu để Đại hội bầu trong số những Đại biểu tham dự Đại hội. Những người tham gia ban kiểm phiếu không đồng thời là Thư ký Đại hội. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm hướng dẫn thể lệ bầu cử, kiểm tra giám sát việc biểu quyết, tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu trước đại hội, sau đó nộp Biên bản cho Chủ tọa đại hội.
- Ban Kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.

Điều 8. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách cổ đông mời họp khi quyết định triệu tập Đại hội.

Điều 9. Cách thức tiến hành Đại hội

- 9.1 Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày.
- 9.2 Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội đồng cổ đông.
- 9.3 Trình tự tiến hành Đại hội (theo Chương trình Đại hội)

Điều 10. Nguyên tắc và thể lệ biểu quyết

- 10.1 **Phiếu biểu quyết màu xanh** dùng để thông qua các nội dung biểu quyết trực tiếp như: Thông qua Chương trình đại hội, Quy chế đại hội, Ban kiểm phiếu, Biên bản đại hội và các vấn đề khác theo sự hướng dẫn của chủ tọa.
- 10.2 **Phiếu biểu quyết màu hồng** có in tất cả vấn đề chính được biểu quyết tại Đại hội gồm các báo cáo và tờ trình. Cổ đông/đại diện thực hiện biểu quyết bằng cách tích vào các ô tương ứng với các ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến.
- 10.3 **Phiếu biểu quyết màu vàng** liệt kê danh sách các ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Khi đồng ý bầu cho ứng viên, cổ

đồng/đại diện viết số phiếu muốn bầu vào cột Số phiếu bầu tại dòng tương ứng với tên ứng với tên ứng cử viên đó. Nếu không bầu cho ứng cử viên, cổ đông/đại diện điền số 0 hoặc gạch chéo vào cột Số phiếu bầu.

10.4 Quy định về phiếu không hợp lệ:

Các phiếu biểu quyết có một trong những yếu tố sau đây là không hợp lệ:

- Phiếu không phải do Ban tổ chức phát hành theo mẫu quy định;
- Phiếu không điền vào ô nào hoặc điền vào 2 ô trở lên trong cùng một nội dung biểu quyết;
- Phiếu tẩy, xoá, sửa chữa các ký hiệu điền trong ô;
- Phiếu rách rời không còn nguyên vẹn các ô để điền hoặc không còn đủ các thông tin phục vụ cho kiểm soát và kiểm phiếu.

Điều 11. Nguyên tắc phát biểu tại đại hội

11.1 Cổ đông muốn đề xuất một yêu cầu nào đó tại Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Chỉ được tham gia đóng góp ý kiến trong phần Thảo luận của Đại hội;
- Phải giơ tay xin ý kiến của Chủ tọa và chỉ được phát biểu sau khi được Chủ tọa cho phép. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu;
- Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuần tự từng cổ đông lên trình bày ý kiến của mình;
- Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của các cổ đông nếu thấy cần thiết;
- Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp tuần tự sau;
- Trường hợp có những ý kiến khác nhau thì có thể tiến hành biểu quyết theo đa số.

11.2 Các đề xuất của cổ đông phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Ngắn gọn và rõ ràng. Trường hợp ý kiến đề xuất phức tạp, cần nhiều thời gian để trình bày thì cổ đông có thể gửi bằng văn bản đến Ban tổ chức 03 ngày trước kỳ diễn ra Đại hội;
- Không trình bày lại những vấn đề đã được đề cập trước;
- Không đề xuất các vấn đề thuộc quyền hạn HĐQT;
- Nội dung đề xuất không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp.

Điều 12. Thông qua Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

12.1 Từ trường hợp quy định tại Khoản 12.2 dưới đây, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông dự họp tán thành:

- Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;
- Thông qua Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020;
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020;

- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2021;
 - Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).
- 12.2** Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:
- Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
 - Loại cổ phiếu và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Dự án mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

Điều 13. Xử lý trường hợp tổ chức đại hội đồng cổ đông không thành

- 13.1** Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
- 13.2** Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 14. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại Công ty.

Điều 15. Hiệu lực của Quy chế:

Quy chế này bao gồm 15 điều, được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông áp dụng cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty diễn ra vào ngày 28/04/2022 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Hải





(Dự thảo)

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2022

QUY CHẾ

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông;
- Căn cứ Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2023 soát theo các nội dung dưới đây:

Điều 1. Mục tiêu

1. Đảm bảo tuân thủ luật pháp và các thông lệ tại Việt Nam;
2. Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
3. Đảm bảo tính tập trung, ổn định của Phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Việc bầu cử thành viên Hội Đồng Quản Trị (HDQT) và thành viên Ban kiểm soát (BKS) của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được thực hiện theo quy định tại Quy chế này.
2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

Điều 3. Số lượng và tiêu chuẩn thành viên HDQT

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông được bầu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 là 01 thành viên.
2. Thành viên bầu bổ sung Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 có nhiệm kỳ 2022 -2023.
3. Tiêu chuẩn thành viên HDQT: Thành viên được đề cử hoặc tự ứng cử vào Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;



- c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
- d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 4. Số lượng và tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông được bầu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 là 01 thành viên.
2. Thành viên bầu bổ sung Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 có nhiệm kỳ 2022 -2023.
3. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 5. Quyền ứng cử, đề cử làm thành viên HĐQT

1. Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm:
Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên, từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên, từ 30% đến dưới 40% có quyền đề cử tối đa (03) ứng viên, từ 40% đến dưới 50% trở lên được đề cử tối đa 04 ứng viên, từ 50% trở lên được đề cử 05 ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 6. Quyền ứng cử, đề cử làm thành viên Ban kiểm soát

1. Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm:
Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên, từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên, từ 30% đến dưới 40% có quyền đề cử tối đa (04) ứng viên, từ 50% trở lên được đề cử tối đa 05 ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 7. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên bầu vào HĐQT và BKS:

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào HĐQT và BKS quy định bao gồm các tài liệu sau:
 - a) Đơn ứng cử hoặc Đơn đề cử ứng viên tham gia HĐQT/ BKS (theo mẫu tại tài liệu họp ĐHĐCĐ);
 - b) Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai có dán ảnh (theo mẫu tại tài liệu họp ĐHĐCĐ);
 - c) Bản sao hợp lệ CMND hoặc Hộ chiếu;
 - d) Bản sao hợp lệ Hộ khẩu thường trú (hoặc giấy đăng ký tạm trú dài hạn);
 - e) Bản sao hợp lệ các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn;
 - f) Giấy ủy quyền và/hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử).
2. Hồ sơ đề cử, ứng cử phải được gửi tới Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông trước 16h00' ngày 25 tháng 04 năm 2022 (3 ngày làm việc trước ngày tổ chức Đại hội) theo địa chỉ sau:

Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, số 33 Vũ Ngọc Phan, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội .

Điện thoại: (024) 3773 0793 - Fax: (024) 3773 0809

Điều 8. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên các Đơn đề cử, ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu vào thành viên HĐQT/ BKS.

Điều 9. Hình thức và phương thức bầu cử

1. Việc bầu cử thành viên HĐQT/BKS của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông sẽ được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu.
2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS do Đại hội đồng Cổ đông thông qua, cụ thể là 01 thành viên HĐQT và 01 thành viên BKS
3. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số quyền biểu quyết của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia tổng số phiếu của mình cho một số ứng cử viên.
4. Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của một cổ đông không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (Bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).

Điều 10. Tổ chức và giám sát Bầu cử

1. Thành lập Ban Kiểm phiếu:
 - a) Việc tổ chức và giám sát bầu cử được Ban Kiểm phiếu thay mặt cho Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo đúng các quy định tại Quy chế này;
 - b) Ban Kiểm phiếu có 03 thành viên, gồm 01 trưởng ban và 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa. Thành viên Ban kiểm phiếu không

- được là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị; Ban Kiểm phiếu lập một bộ phận giúp việc có 06 thành viên để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.
2. Ban Kiểm phiếu phải bảo đảm tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin về việc kiểm phiếu và bầu cử.
 3. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT/ BKS;
 4. Ban Kiểm phiếu có các nhiệm vụ sau:
 - a) Kiểm tra và công bố danh sách các ứng viên HĐQT/ BKS;
 - b) Phổ biến quy chế bầu cử và hướng dẫn cách thức bầu cử cho cổ đông;
 - c) Phân phát và thu phiếu bầu cử;
 - d) Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;
 - e) Thực hiện kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Thư ký Đại hội;
 - g) Cùng Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử cũng như về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng cổ đông quyết định;
 - h) Ban Kiểm phiếu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc tuân thủ Quy chế này và về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu.

Điều 11. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. Phiếu bầu:
 - a) Phiếu bầu do Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông phát hành, được in thống nhất, có dấu treo của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông, có mã số cổ đông; tổng số cổ phần sở hữu/đại diện, tổng số quyền biểu quyết;
 - b) Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát 01 phiếu bầu Hội đồng quản trị và 01 phiếu bầu BKS theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền);
 - c) Cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót, cổ đông phải thông báo ngay cho Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;
2. Cách ghi phiếu bầu:
 - a) Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột Số phiếu bầu tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó;
 - b) Nếu không bầu cho ứng cử viên, cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông điền số 0 hoặc gạch chéo vào cột Số phiếu bầu;
 - c) Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên, bầu cho tất cả số ứng cử viên hoặc không bầu cho ứng cử viên nào;
 - d) Tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên của một cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông đó (bằng số cổ phần số thành viên được bầu);
 - e) Cổ đông muốn chia đều tổng số phiếu bầu của mình cho tất cả các ứng cử viên thì tích vào ô "Chia đều cho các ứng cử viên". Trường hợp cổ đông tích vào ô "Chia đều cho các ứng cử viên" thì không cần ghi số phiếu bầu cho từng ứng cử viên.
3. Phiếu bầu được coi là hợp lệ khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Phiếu bầu cho ứng viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b) Tổng số phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu);
 - c) Không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.
4. Phiếu bầu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Phiếu không do Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông phát hành và/hoặc không có dấu của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông;
 - b) Phiếu gạch xoá, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới);
 - c) Phiếu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
 - d) Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (bao gồm quyền sở hữu và được ủy quyền);
 - e) Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông;
 - f) Phiếu không ghi số lượng phiếu bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

Điều 12. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
2. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
3. Việc kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
4. Trước khi mở thùng phiếu, Ban Kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản và niêm phong số phiếu không sử dụng. Ban Kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa phiếu bầu;
5. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng ban Kiểm phiếu công bố trước đại hội.

Điều 13. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử

1. Người trúng cử thành viên HĐQT/ BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên mà Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết;
2. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị/ BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau;
3. Nếu bầu cử không đủ số thành viên Hội đồng quản trị thì Đại hội sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần 2 trong số những ứng cử viên còn lại;
4. Nếu sau khi bầu lần 2 vẫn chưa đủ thì Đại hội sẽ biểu quyết bầu lại lần 3 hoặc để khuyết thành viên Hội đồng Quản trị và bầu bổ sung trong kỳ họp Đại hội tiếp theo theo quyết định của Chủ tọa Đại hội.

Điều 14. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.
2. Biên bản kiểm phiếu bao gồm các nội dung chủ yếu như sau:
 - a) Thời gian, địa điểm lập Biên bản kiểm phiếu;

- b) Thành phần Ban Kiểm phiếu;
 - c) Mục đích, nội dung tiến hành bỏ phiếu;
 - d) Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỷ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào HĐQT/ BKS; kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia bầu cử.
 - e) Kết quả bầu cử;
 - f) Chữ ký của Thành viên Ban kiểm phiếu.
3. Toàn bộ Biên bản kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu công bố trước toàn thể Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội.

Điều 15. Quyền chất vấn

Các cổ đông/đại diện cổ đông có quyền chất vấn, khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu. Chủ tọa Đại hội, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm giải trình và làm rõ các chất vấn của cổ đông và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Điều 16. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu thành viên Hội đồng quản trị tại ĐHCĐ thường niên năm 2022.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Hải





(Dự thảo)

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2022

QUY CHẾ

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông;
- Căn cứ Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2023 soát theo các nội dung dưới đây:

Điều 1. Mục tiêu

1. Đảm bảo tuân thủ luật pháp và các thông lệ tại Việt Nam;
2. Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
3. Đảm bảo tính tập trung, ổn định của Phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Việc bầu cử thành viên Hội Đồng Quản Trị (HDQT) và thành viên Ban kiểm soát (BKS) của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được thực hiện theo quy định tại Quy chế này.
2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

Điều 3. Số lượng và tiêu chuẩn thành viên HDQT

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông được bầu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 là 01 thành viên.
2. Thành viên bầu bổ sung Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 có nhiệm kỳ 2022 -2023.
3. Tiêu chuẩn thành viên HDQT: Thành viên được đề cử hoặc tự ứng cử vào Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;



- c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
- d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 4. Số lượng và tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông được bầu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 là 01 thành viên.
2. Thành viên bầu bổ sung Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 có nhiệm kỳ 2022 -2023.
3. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 5. Quyền ứng cử, đề cử làm thành viên HĐQT

1. Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm:
Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên, từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên, từ 30% đến dưới 40% có quyền đề cử tối đa (03) ứng viên, từ 40% đến dưới 50% trở lên được đề cử tối đa 04 ứng viên, từ 50% trở lên được đề cử 05 ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 6. Quyền ứng cử, đề cử làm thành viên Ban kiểm soát

1. Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm:
Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên, từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên, từ 30% đến dưới 40% có quyền đề cử tối đa (04) ứng viên, từ 50% trở lên được đề cử tối đa 05 ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 7. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên bầu vào HĐQT và BKS:

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào HĐQT và BKS quy định bao gồm các tài liệu sau:
 - a) Đơn ứng cử hoặc Đơn đề cử ứng viên tham gia HĐQT/ BKS (theo mẫu tại tài liệu hợp DHĐCĐ);
 - b) Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai có dán ảnh (theo mẫu tại tài liệu hợp DHĐCĐ);
 - c) Bản sao hợp lệ CMND hoặc Hộ chiếu;
 - d) Bản sao hợp lệ Hộ khẩu thường trú (hoặc giấy đăng ký tạm trú dài hạn);
 - e) Bản sao hợp lệ các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn;
 - f) Giấy ủy quyền và/hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử).
2. Hồ sơ đề cử, ứng cử phải được gửi tới Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông trước 16h00' ngày 25 tháng 04 năm 2022 (3 ngày làm việc trước ngày tổ chức Đại hội) theo địa chỉ sau:

Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, số 33 Vũ Ngọc Phan, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội .

Điện thoại: (024) 3773 0793 - Fax: (024) 3773 0809

Điều 8. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên các Đơn đề cử, ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu vào thành viên HĐQT/ BKS.

Điều 9. Hình thức và phương thức bầu cử

1. Việc bầu cử thành viên HĐQT/BKS của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông sẽ được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu.
2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS do Đại hội đồng Cổ đông thông qua, cụ thể là 01 thành viên HĐQT và 01 thành viên BKS
3. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số quyền biểu quyết của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia tổng số phiếu của mình cho một số ứng cử viên.
4. Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của một cổ đông không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (Bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).

Điều 10. Tổ chức và giám sát Bầu cử

1. Thành lập Ban Kiểm phiếu:
 - a) Việc tổ chức và giám sát bầu cử được Ban Kiểm phiếu thay mặt cho Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo đúng các quy định tại Quy chế này;
 - b) Ban Kiểm phiếu có 03 thành viên, gồm 01 trưởng ban và 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa. Thành viên Ban kiểm phiếu không

- được là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị; Ban Kiểm phiếu lập một bộ phận giúp việc có 06 thành viên để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.
2. Ban Kiểm phiếu phải bảo đảm tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin về việc kiểm phiếu và bầu cử.
 3. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT/ BKS;
 4. Ban Kiểm phiếu có các nhiệm vụ sau:
 - a) Kiểm tra và công bố danh sách các ứng viên HĐQT/ BKS;
 - b) Phổ biến quy chế bầu cử và hướng dẫn cách thức bầu cử cho cổ đông;
 - c) Phân phát và thu phiếu bầu cử;
 - d) Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;
 - e) Thực hiện kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Thư ký Đại hội;
 - g) Cùng Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử cũng như về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng cổ đông quyết định;
 - h) Ban Kiểm phiếu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc tuân thủ Quy chế này và về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu.

Điều 11. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. Phiếu bầu:
 - a) Phiếu bầu do Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông phát hành, được in thống nhất, có dấu treo của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông, có mã số cổ đông; tổng số cổ phần sở hữu/đại diện, tổng số quyền biểu quyết;
 - b) Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát 01 phiếu bầu Hội đồng quản trị và 01 phiếu bầu BKS theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền);
 - c) Cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót, cổ đông phải thông báo ngay cho Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;
2. Cách ghi phiếu bầu:
 - a) Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột Số phiếu bầu tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó;
 - b) Nếu không bầu cho ứng cử viên, cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông điền số 0 hoặc gạch chéo vào cột Số phiếu bầu;
 - c) Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên, bầu cho tất cả số ứng cử viên hoặc không bầu cho ứng cử viên nào;
 - d) Tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên của một cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông đó (bằng số cổ phần số thành viên được bầu);
 - e) Cổ đông muốn chia đều tổng số phiếu bầu của mình cho tất cả các ứng cử viên thì tích vào ô "Chia đều cho các ứng cử viên". Trường hợp cổ đông tích vào ô "Chia đều cho các ứng cử viên" thì không cần ghi số phiếu bầu cho từng ứng cử viên.
3. Phiếu bầu được coi là hợp lệ khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Phiếu bầu cho ứng viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b) Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu);
 - c) Không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.
4. Phiếu bầu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Phiếu không do Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông phát hành và/hoặc không có dấu của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông;
 - b) Phiếu gạch xoá, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới);
 - c) Phiếu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
 - d) Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (bao gồm quyền sở hữu và được ủy quyền);
 - e) Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông;
 - f) Phiếu không ghi số lượng phiếu bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

Điều 12. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- 1. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- 2. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- 3. Việc kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- 4. Trước khi mở thùng phiếu, Ban Kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản và niêm phong số phiếu không sử dụng. Ban Kiểm phiếu không được gạch xoá, sửa chữa phiếu bầu;
- 5. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng ban Kiểm phiếu công bố trước đại hội.

Điều 13. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử

- 1. Người trúng cử thành viên HĐQT/ BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên mà Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết;
- 2. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị/ BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau;
- 3. Nếu bầu cử không đủ số thành viên Hội đồng quản trị thì Đại hội sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần 2 trong số những ứng cử viên còn lại;
- 4. Nếu sau khi bầu lần 2 vẫn chưa đủ thì Đại hội sẽ biểu quyết bầu lại lần 3 hoặc đề khuyết thành viên Hội đồng Quản trị và bầu bổ sung trong kỳ họp Đại hội tiếp theo theo quyết định của Chủ tọa Đại hội.

Điều 14. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- 1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.
- 2. Biên bản kiểm phiếu bao gồm các nội dung chủ yếu như sau:
 - a) Thời gian, địa điểm lập Biên bản kiểm phiếu;

- b) Thành phần Ban Kiểm phiếu;
 - c) Mục đích, nội dung tiến hành bỏ phiếu;
 - d) Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỷ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào HĐQT/ BKS; kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia bầu cử.
 - e) Kết quả bầu cử;
 - f) Chữ ký của Thành viên Ban kiểm phiếu.
3. Toàn bộ Biên bản kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu công bố trước toàn thể Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội.

Điều 15. Quyền chất vấn

Các cổ đông/đại diện cổ đông có quyền chất vấn, khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu. Chủ tọa Đại hội, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm giải trình và làm rõ các chất vấn của cổ đông và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Điều 16. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu thành viên Hội đồng quản trị tại ĐHCĐ thường niên năm 2022.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Hải





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2804.1/2022/NQ- CMT-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2022.

(Dự thảo)

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hiện hành;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hiện hành;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông;

Căn cứ vào Biên bản Kiểm phiếu biểu quyết số: 2804.1/2022/BB-CMT-ĐHĐCĐ của Ban Kiểm phiếu Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động trong năm 2021 và phương hướng hoạt động trong năm 2022 của Hội đồng quản trị. Cụ thể:

1.1. Hoạt động kinh doanh năm 2022.

1.1.1. Tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh:

- + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là: đồng.
- + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là: đồng.

1.1.2. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh:

2.2. Phương hướng hoạt động năm 2022

2.2.1. Hoạt động quản trị.

.....

2.2.2. Phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2022.

- Phương hướng hoạt động kinh doanh:

.....

- Kế hoạch hoạt động kinh doanh.

- + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là:đồng.
- + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là:đồng.
- + Tỷ lệ chi trả cổ tức:đồng/cổ phần.

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát trong năm 2021.



Điều 3: Thông qua Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán. Cụ thể:

- Các chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán.

- Ý kiến của kiểm toán:

Điều 4: Thông qua Báo cáo chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021. Cụ thể:

- Tổng thù lao cho HĐQT là: đồng.

- Tổng thù lao cho BKS là: đồng.

Điều 5: Thông qua tờ trình về việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021. Cụ thể:

Điều 6: Thông qua tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022. Cụ thể:

Điều 7: Thông qua tờ trình về việc trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022. Cụ thể:

- Thù lao cho Chủ tịch HĐQT: đồng/tháng.

- Thù lao cho Thành viên HĐQT thường trực: đồng/người/tháng.

- Thù lao cho Thành viên HĐQT kiêm nhiệm:đồng/người/tháng.

- Thù lao cho Trưởng Ban Kiểm soát: đồng/tháng.

- Thù lao cho Thành viên BKS: đồng/người/tháng.

Thù lao trả cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được trả vào

Nghị quyết này được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 biểu quyết thông qua và có hiệu lực ngay khi kết thúc Đại hội. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông có trách nhiệm thực hiện nội dung của Nghị quyết này.

Điều 8: Thông qua tờ trình miễn nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị và bầu bổ sung thành viên cho nhiệm kỳ 2019-2023 (Chi tiết theo tờ trình số/Tr-CMT-HĐQT)

Điều 9: Thông qua tờ trình miễn nhiệm 01 thành viên Ban kiểm soát và bầu bổ sung thành viên cho nhiệm kỳ 2019-2023 (Chi tiết theo tờ trình số/Tr-CMT-BKS)

Điều 10: Thông qua tờ trình chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động (Chi tiết theo tờ trình số/Tr-CMT-HĐQT)

Điều 11: Thông qua tờ trình chỉnh sửa, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Chi tiết theo tờ trình số/Tr-CMT-HĐQT)

122
NG T
PH
GHỆ M
TÊN TI
ĐA-

Điều 12: Thông qua tờ trình ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (Chi tiết theo tờ trình số/Ttr-CMT-HĐQT)

Điều 13: Thông qua tờ trình ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát (Chi tiết theo tờ trình số/Ttr-CMT-HĐQT)

Điều 14: Thông qua tờ trình việc cổ đông hiện hữu nhận chuyển nhượng cổ phiếu mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai. Cụ thể: (Chi tiết theo tờ trình số/Ttr-CMT-HĐQT)

- Ông Lê Ngọc Tú dự kiến nhận chuyển nhượng như sau:
- Đối tượng chuyển nhượng là các cổ đông của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông theo danh sách sau đây:

STT	Họ tên	Số ĐKSH	Số lượng cổ phiếu đăng ký chuyển nhượng
1			
2			

- Phương án nhận chuyển nhượng: Giao dịch thỏa thuận qua sàn giao dịch UpCom.

Điều 15: Thông qua kết quả bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2023 như sau:

1.

Điều 16: Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 biểu quyết thông qua và có hiệu lực ngay khi kết thúc Đại hội. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông có trách nhiệm thực hiện nội dung của Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Chủ tịch HĐQT
- Ban Kiểm soát;
- Tổng Giám đốc
- UBCKNN;
- Sở GDCK HN;
- Lưu VP HĐQT.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Mẫu)

....., ngày tháng năm 2022.

GIẤY ỦY QUYỀN

Tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022

**Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Mạng và Truyền thông.**

Bên ủy quyền:

Số CMND/ĐKKD: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Hiện đang sở hữu: Cổ phần (Bằng chữ:

.....)

Bên nhận ủy quyền:

Số CMND: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền thay mặt bên ủy quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 và có quyền biểu quyết tất cả những vấn đề có liên quan tương ứng với số cổ phần do bên ủy quyền sở hữu.

Rất mong được sự quan tâm chấp thuận.

Xin trân trọng cảm ơn!

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

BÊN ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)